

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đỗ Thị Phương Thảo

Giảng viên hướng dẫn : Ths. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG – 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH VIỆT HUY**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đỗ Thị Phương Thảo
Giảng viên hướng dẫn : Ths. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG – 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đỗ Thị Phương Thảo

Mã SV: 1412401004

Lớp: QT1801K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Huy

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - ✓ Tìm hiểu lý luận chung liên quan đến ghi nhận doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.
 - ✓ Tìm hiểu và trình bày thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Huy.
 - ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác ghi nhận doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - ✓ Suu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác ghi nhận doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2017 tại Công ty TNHH Việt Huy.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - ✓ Công ty TNHH Việt Huy

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Đức Kiên

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Huy

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT HUY	3
1.1. Nội dung các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu.....	4
1.3. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu	4
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ	6
1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	6
1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán	11
1.6. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.....	15
1.6.1. Kế toán chi phí bán hàng	15
1.6.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	17
1.7. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	19
1.7.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	19
1.7.2. Kế toán chi phí tài chính.....	21
1.8. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác	22
1.8.1. Kế toán thu nhập khác	22
1.8.2. Kế toán chi phí khác.....	24
1.9. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp	25
1.10..... Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.....	27
1.10.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	27
1.10.2. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ	28
1.10.3. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái.....	29
1.10.4. Hình thức nhật ký chứng từ ghi sổ	30
1.10.5. Hình thức kế toán máy	31

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT HUY	32
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Huy.....	32
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Việt Huy.....	32
2.1.2. Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Huy.....	33
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Việt Huy	33
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Việt Huy.	35
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Huy.....	37
2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Việt Huy	37
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.	48
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.	48
2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	53
2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.	62
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	66
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT HUY	74
3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH Việt Huy.....	74
3.1.1 Ưu điểm.....	74
3.1.2 Hạn chế:.....	75
3.2 Tính cấp thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	76
3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Huy	76
3.4 Nội dung giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Huy	77

3.4.1 Kiến nghị 1: Về hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh	77
3.4.2 Kiến nghị 2: Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán....	80
3.4.3 Kiến nghị 3: Phân bổ chi phí bán hàng và phi phí quản lý doanh nghiệp.	81
3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp	81
3.5.1 Về phía nhà nước.....	81
3.5.2 Về phía doanh nghiệp.....	81
KẾT LUẬN	82

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	9
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.	11
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	14
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	15
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	19
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	20
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính.....	22
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập khác.....	23
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí khác.....	25
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	26
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung.....	27
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- Chứng từ.....	28
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- Sổ cái.....	29
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- Sổ cái.....	30
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy.....	31
Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Việt Huy.....	34
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán công ty TNHH Việt Huy.....	35
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Việt Huy.	37

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu tài chính của công ty trong 2 năm gần đây	33
Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001264.....	39
Biểu số 2.2: Phiếu thu số 15/12.....	40
Biểu số 2.3. Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001270.....	42
Biểu số 2.4. Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001278.....	44
Biểu số 2.5: Giấy báo có ngân hàng Agribank	45
Biểu số 2.6: Trích trang nhật ký chung.....	46
Biểu số 2.7: Sổ cái TK 511.....	47
Biểu số 2.8: Sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)	49
Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho số 3/12	50
Biểu số 2.10: Sổ Nhật ký chung	51
Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632.....	52
Biểu số 2.12: Hóa đơn dịch vụ viễn thông.....	54
Biểu số 2.13: Phiếu chi số 17/12	55
Biểu số 2.14: Hóa đơn GTGT 0000125.....	56
Biểu số 2.15: Phiếu chi 20/12.....	57
Biểu số 2.16: Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2017 Công ty TNHH Việt Huy	58
Biểu số 2.17: Sổ Nhật ký chung	59
Biểu số 2.18: Sổ Cái TK 641	60
Biểu số 2.19: Sổ Cái TK 642.....	61
Biểu số 2.20: Giấy báo có ngân hàng Vietcombank	63
Biểu số 2.21: Sổ Nhật ký chung	64
Biểu số 2.22: Sổ cái TK 515.....	65
Biểu số 2.23: Phiếu kế toán số 40.....	66
Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 41.....	67
Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 42.....	67
Biểu số 2.26: Phiếu kế toán số 43.....	68
Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 44.....	68
Biểu số 2.28: Trích trang Sổ Nhật ký chung.....	69

Biểu số 2.29: Sổ cái TK 911	70
Biểu số 2.30: Sổ cái TK 821	71
Biểu số 2.31: Sổ cái TK 421	72
Biểu số 2.32: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017	73
Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng	78
Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	79

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

1. BCTC	Báo cáo tài chính
2. QĐ-BTC	Quyết định của Bộ tài chính
3. BTC	Bộ tài chính
4. HĐKD	Hoạt động kinh doanh
5. TT-BTC	Thông tư của Bộ tài chính
6. TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
7. TSCĐ	Tài sản cố định
8. DN	Doanh nghiệp
9. TK	Tài khoản
10. CKTM	Chiết khấu thương mại
11. XK	Xuất khẩu
12. TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
13. HTK	Hàng tồn kho
14. SPS	Số phát sinh
15. TNDN	Thu nhập doanh nghiệp

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều thách thức và khó khăn. Bởi thế để tồn tại và đứng vững trên thị trường, doanh nghiệp luôn cần phải nắm bắt được tình hình kinh doanh, quản lý được tình hình tài chính của mình, đồng thời nghiên cứu và tìm hiểu đối thủ cạnh tranh, để trên cơ sở đó ra quyết định chiến lược phát triển kinh doanh một cách hợp lý. Để thực hiện tốt điều này một công cụ hữu hiệu doanh nghiệp không thể không kể đến đó là công tác kế toán. Đặc biệt đối với doanh nghiệp thương mại, đó là công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ. Đây là công cụ quan trọng nhất để quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp duy trì và nâng cao hiệu quả tiêu thụ, đạt được lợi nhuận tối đa.

Thật vậy, để thấy được tầm quan trọng của hệ thống kế toán nói chung và bộ phận kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, em quyết định chọn đề tài khóa luận: *“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Huy”*.

2. Mục đích nghiên cứu

- Hệ thống hóa lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
- Mô tả thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Huy
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Huy.

3. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Huy
Lấy số liệu của năm 2017 để minh họa.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán
- Phương pháp thống kê so sánh

5. Kết cấu đề tài

Nội dung bài khóa luận tốt nghiệp gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Huy

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Huy

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT HUY

1.1. Nội dung các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

❖ *Bán hàng*: là hoạt động thực hiện trao đổi sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp chuyển cho khách hàng và khách hàng đồng ý hoặc chấp nhận thanh toán cho doanh nghiệp.

❖ *Sản phẩm sản xuất*: là sản phẩm mà doanh nghiệp tự sản xuất ra để phục vụ cho chính doanh nghiệp hoặc để trao đổi với doanh nghiệp khác trong thương mại.

❖ *Sản phẩm tiêu thụ*: đây là quá trình thực hiện mục đích sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất đến nơi có nhu cầu tiêu thụ. Nó là khâu lưu thông hàng hóa, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên tiêu dùng.

❖ *Doanh thu*: là tổng giá trị và lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

❖ *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các nghiệp vụ và giao dịch phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán,.. trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ *Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động:
- Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.
 - Hoạt động tài chính: là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích kiếm lợi nhuận.
 - Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

➤ Kết quả hoạt động kinh doanh: là kết quả của hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và các hoạt động tài chính được biểu hiện qua các chỉ tiêu lợi nhuận về hoạt động kinh doanh.

1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc người kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu các lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Khi đã đồng thời thoả mãn cả 5 tiêu chuẩn trên thì doanh thu bán hàng được ghi nhận.

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu thu được tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Doanh nghiệp xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày tiến hành lập bảng cân đối kế toán.
- Doanh nghiệp xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí đề hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện nêu trên.

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 2 điều kiện.

1.3. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ

cho khách hàng, bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm bên ngoài giá bán (nếu có)

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của các nghiệp vụ phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân thị trường liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán. Cuối kỳ thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được trừ ra khỏi doanh thu bán hàng.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế XK thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán sản phẩm, hàng hóa, giá cung cấp dịch vụ (bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK)

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá trả ngay và ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với từng thời điểm xác định doanh thu trong thời gian trả lãi.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho năm cho thuê tài sản.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá là số

tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá. Doanh thu trợ cấp, trợ giá được phản ánh trên tài khoản 5114.

❖ *Không hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các trường hợp sau:*

- Trị giá hàng hóa, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên gia công, chế biến.

- Trị giá sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị thành viên trong một công ty, tổng công ty hạch toán ngành (sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ tiêu thụ nội bộ).

- Số tiền thu được về từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

- Trị giá sản phẩm, hàng hóa đang gửi đi bán, dịch vụ hoàn thành và cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được sự chấp nhận thanh toán của người mua.

- Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán hàng đại lý, ký gửi (chưa được xác nhận là tiêu thụ).

- Các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Nhiệm vụ của kế toán doanh thu: phản ánh và ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh của các loại hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ bán ra đồng thời tính toán, hạch toán chính xác, riêng biệt từng loại doanh thu.

- Nhiệm vụ của kế toán chi phí: phản ánh và ghi chép các chi phí phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp.

- Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh: tổng hợp doanh thu, chi phí nhằm tính toán ra kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp cũng như việc thực hiện đóng các khoản thuế cho Nhà nước.

1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ *Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.

- Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ, hàng hóa gửi đi bán đã tiêu thụ.

- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng.

❖ *Tài khoản sử dụng*

- Tài khoản 511 dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho công ty con trong cùng một tập đoàn.

- Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

- Tài khoản 511 bao gồm 6 tài khoản cấp 2

+ *Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực,...

+ *Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp,...

+ *Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...

+ *Tài khoản 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá:* Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

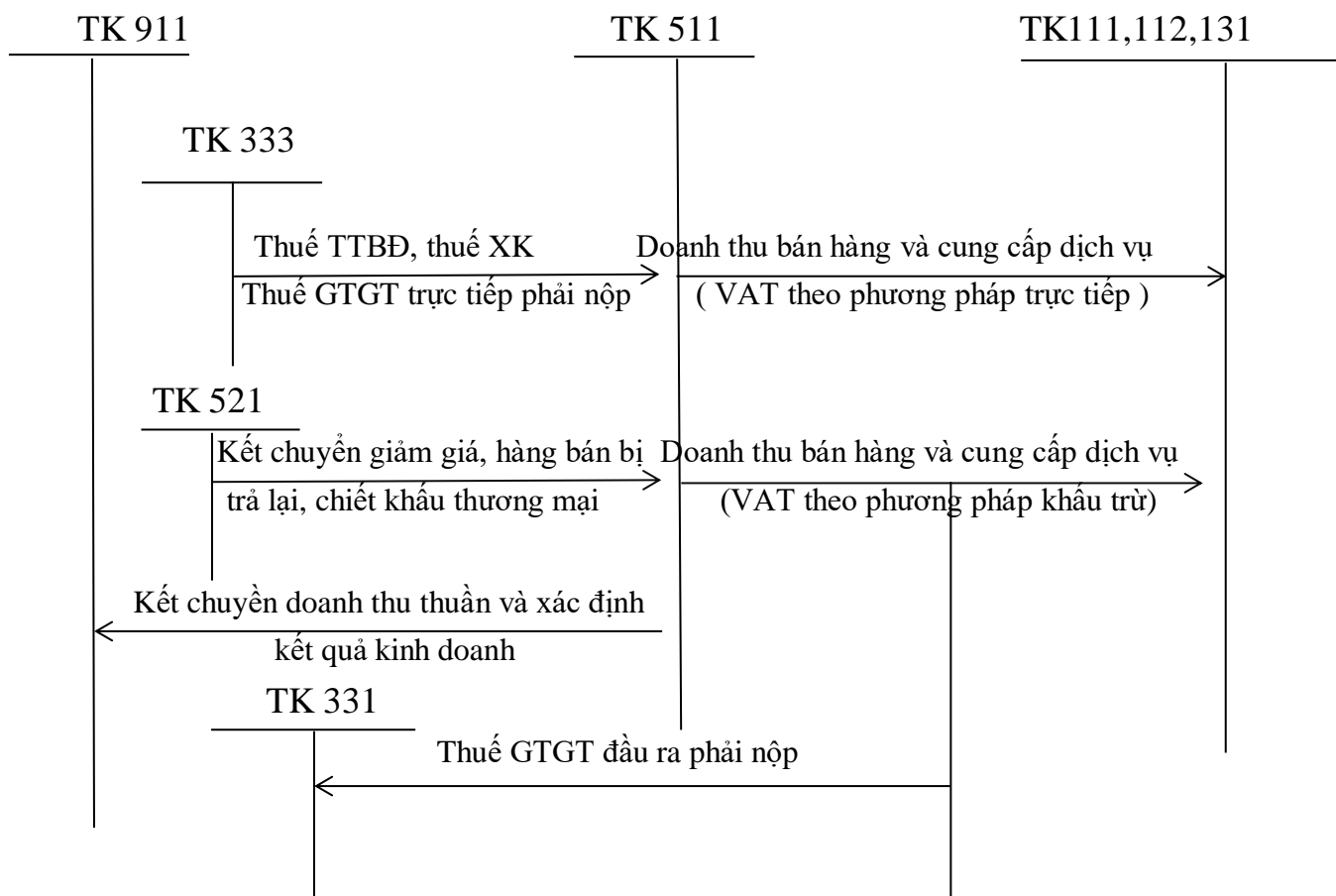
+ *Tài khoản 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

+ *Tài khoản 5118- Doanh thu khác:* Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài doanh thu bán hàng hóa, doanh thu bán thành phẩm, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu được trợ cấp giá và doanh thu kinh doanh bất động sản như: Doanh thu bán vật liệu, phế liệu, nhượng bán công cụ dụng cụ và các khoản doanh thu khác.

❖ Kết cấu tài khoản 511

NỢ	511	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ kế toán. - Trị giá khoản CKTM kết chuyển vào cuối kỳ. - Trị giá hàng bán bị trả lại kết chuyển vào cuối kỳ. - Trị giá khoản giảm giá hàng bán được kết chuyển vào cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã được thực hiện trong kỳ kế toán.
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 511 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.
- Giấy báo nợ
- Phiếu chi

❖ Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 521- Các khoản giảm trừ doanh thu:** Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

- Tài khoản 521 bao gồm 3 tài khoản cấp 2:

+ **Tài khoản 5211- Chiết khấu thương mại :** Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng với khối lượng

lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ.

+ Tài khoản 5212- Hàng bán bị trả lại: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ bị người mua trả lại trong kỳ.

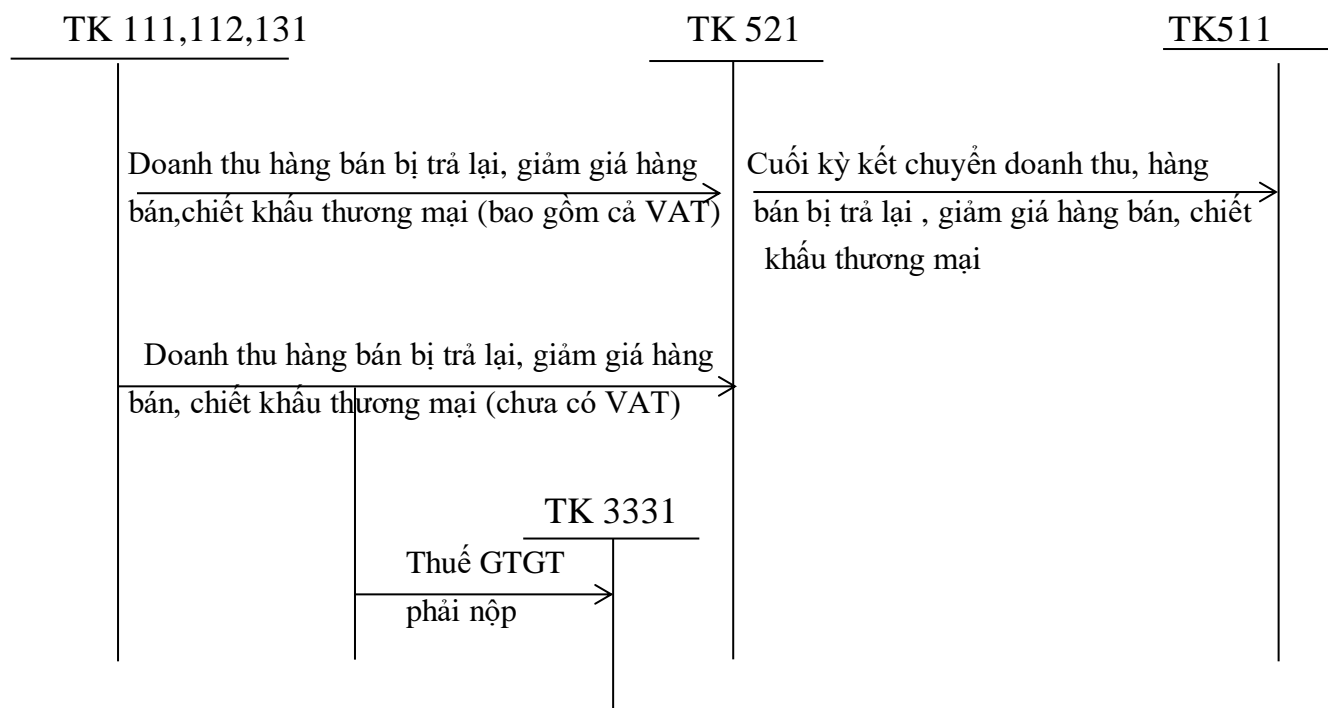
+ Tài khoản 5213- Giảm giá hàng bán: Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán cho người mua do sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp kém quy cách nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ.

❖ Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 521	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho khách hàng. - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho khách hàng hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp. 	<p>Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.</p>	
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ

TÀI KHOẢN 521 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ

❖ *Phương pháp hạch toán*



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán

❖ *Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho*

- Phương pháp bình quân gia quyền: theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng thời kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

+ Theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ (mặt hàng I)} = \frac{\text{Giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ (của hàng I)}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ (của hàng I)}}$$

+ Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập } i \text{ kỳ (mặt hàng } I) = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập } i \text{ (của hàng } I)}{\text{Số lượng thực tế tồn kho sau lần nhập } i \text{ (của hàng } I)}$$

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO): phương pháp nhập trước xuất trước áp dụng trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước thì được xuất trước theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của lô hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp giá bán lẻ: Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

- Phương pháp thực tế đích danh: phương pháp này giá được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho.
- Bảng phân bổ giá vốn.
- Các chứng từ có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- *Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán:* Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây dựng) bán trong kỳ.
- Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản.

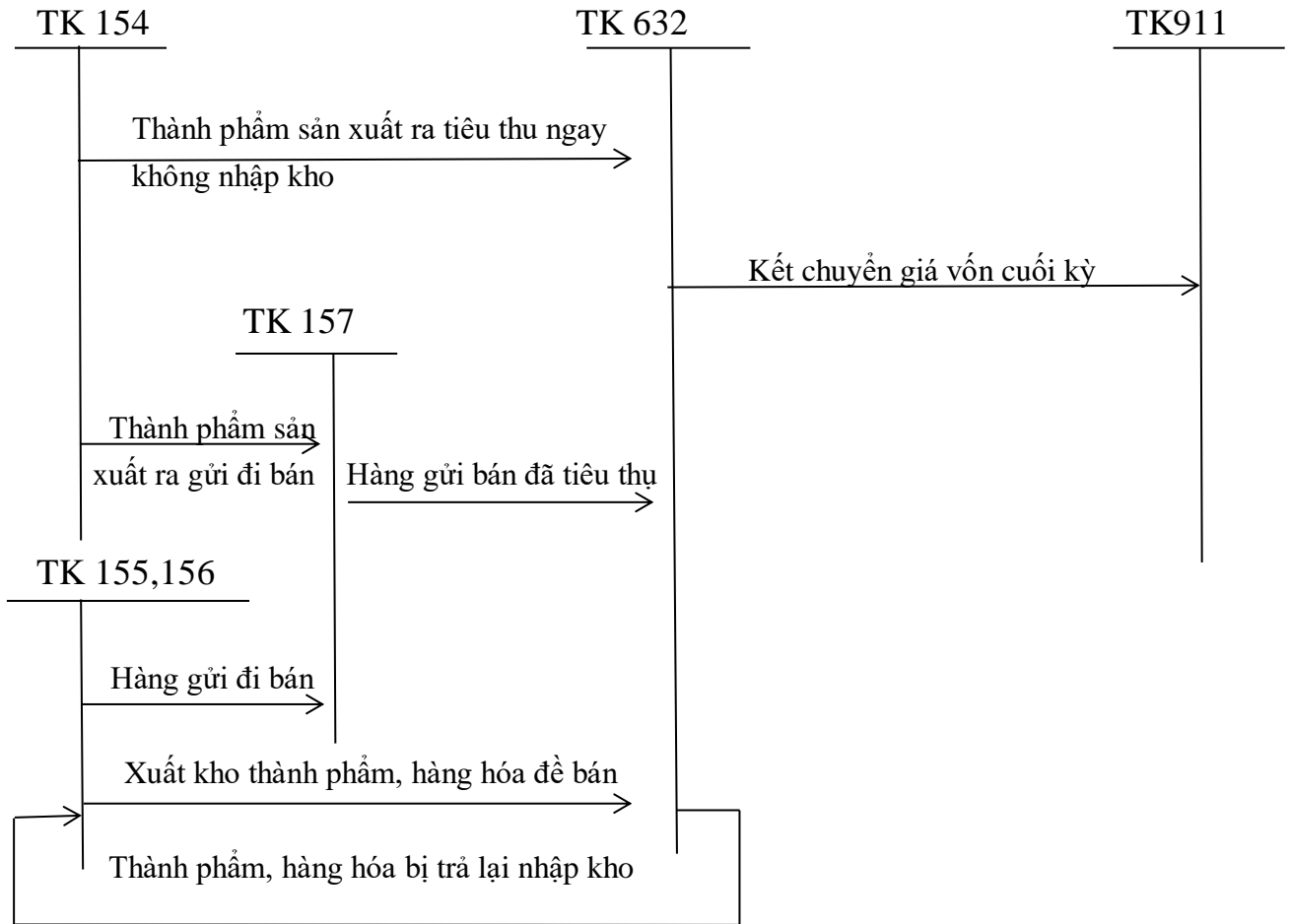
❖ Kế cấu tài khoản

NỢ	TK 632	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ. - Chi phí NVL, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn hàng bán của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán trong kỳ, chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư, khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ

TÀI KHOẢN 632 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ

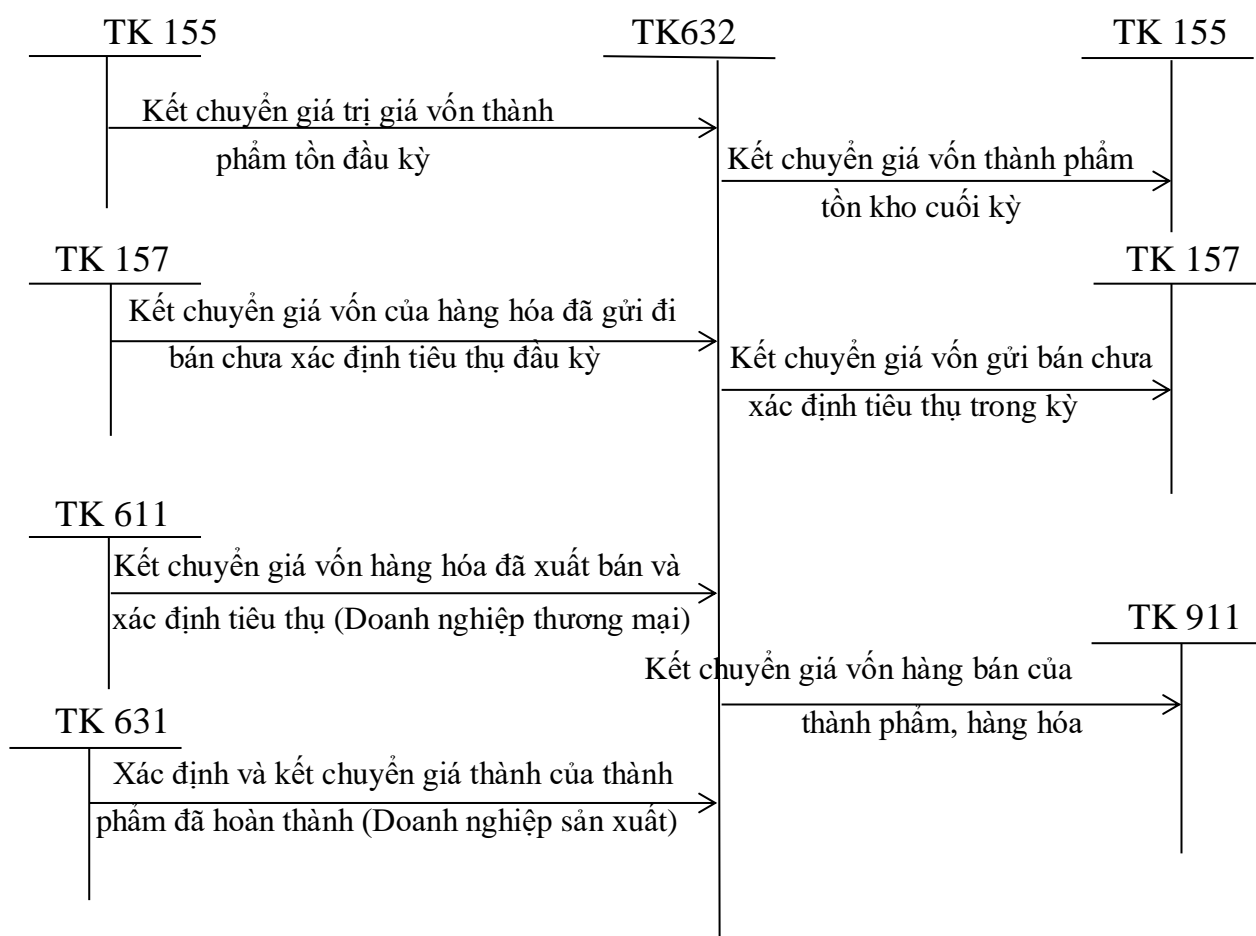
Phương pháp hạch toán

- Doanh nghiệp hạch toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Doanh nghiệp hạch toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.6. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

1.6.1. Kế toán chi phí bán hàng

❖ Chứng từ sử dụng

- Bảng lương, bảng phân bổ lương.
- Bảng phân bổ chi phí trả trước.
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Phiếu chi, giấy báo nợ, hóa đơn GTGT.

❖ Tài khoản sử dụng

- *Tài khoản 641- chi phí bán hàng:* Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

- Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:
 - + *Tài khoản 6411- Chi phí nhân viên*: Phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa,... bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp,...
 - + *Tài khoản 6412- Chi phí vật liệu, bao bì*: Phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản TSCĐ,... dùng cho bộ phận bán hàng.
 - + *Tài khoản 6413- Chi phí dụng cụ, đồ dùng*: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc,...
 - + *Tài khoản 6414- Chi phí khấu hao TSCĐ*: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà lưu kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện bốc dỡ, vận chuyển, phương tiện tính toán, phương tiện đo lường, kiểm nghiệm chất lượng,...
 - + *Tài khoản 6415- Chi phí bảo hành*: Phản ánh chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Riêng chi phí sửa chữa và bảo hành công trình xây lắp phản ánh ở TK 627 “ Chi phí sản xuất chung” không phản ánh ở tài khoản này.
 - + *Tài khoản 6417- Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán, trả tiền hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu,...
 - + *Tài khoản 6418- Chi phí bằng tiền khác*: Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã kể trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng,...

Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 641	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ. - Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ. 	
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ

TK 641 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ

1.6.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ Chứng từ sử dụng

- Bảng lương, bảng phân bổ lương.
- Phiếu xuất kho vật liệu, công cụ dụng cụ sử dụng cho bộ phận quản lý.
- Bảng phân bổ chi phí trả trước.
- Bảng phân bổ khấu hao TCSĐ.
- Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ.
- Các chứng từ khác.

❖ Tài khoản sử dụng

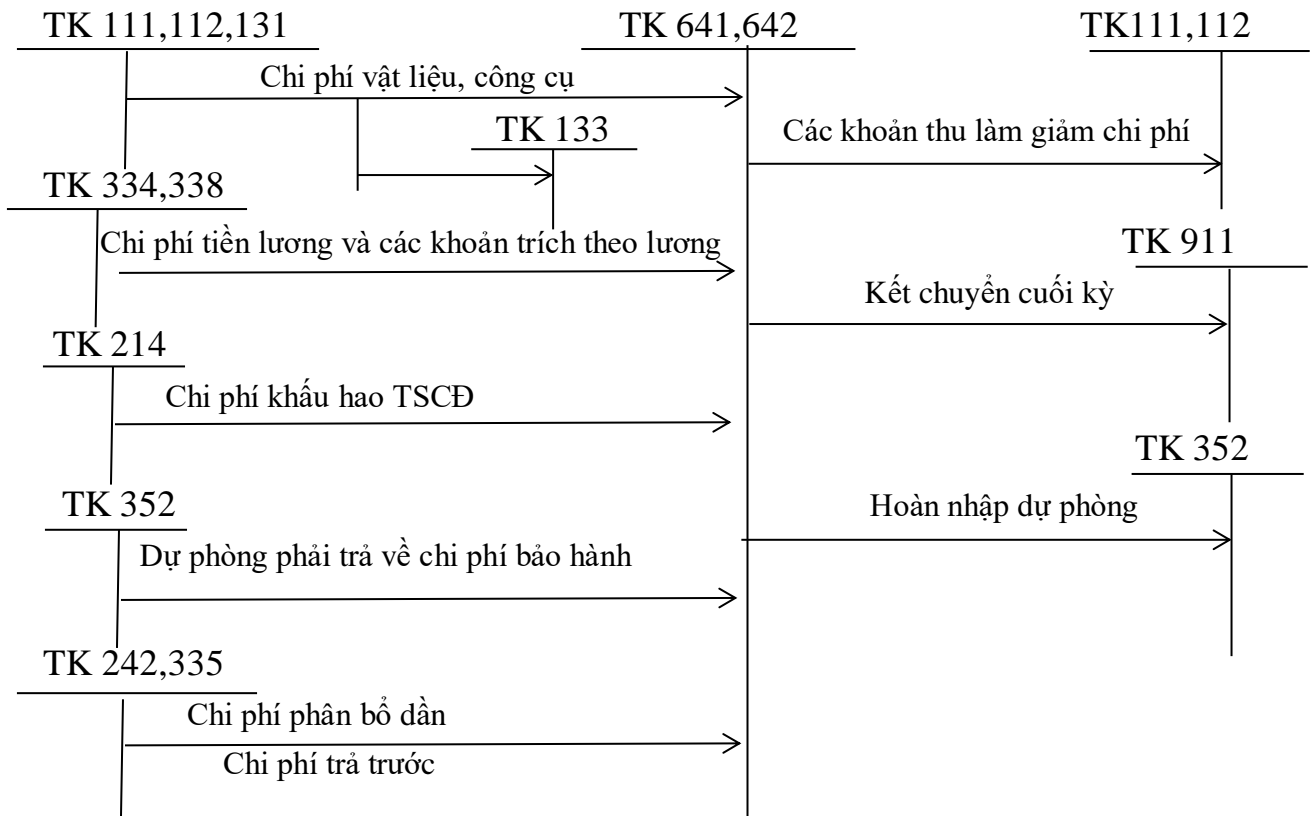
- Tài khoản 642- Chi phí nhân viên quản lý: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...) , bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài (điện nước, điện thoại, internet, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...), chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...)

- Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:
 - + Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
 - + Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
 - + Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
 - + Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

- + Tài khoản 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- + Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng.
- + Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + Tài khoản 6428: Chi phí bằng tiền khác.
- ❖ Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 642	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản được ghi nhận giảm chi phí quản lý doanh nghiệp. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 642 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ *Phương pháp hạch toán*



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.7. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.7.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ *Chứng từ sử dụng*

- Phiếu thu.
- Giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

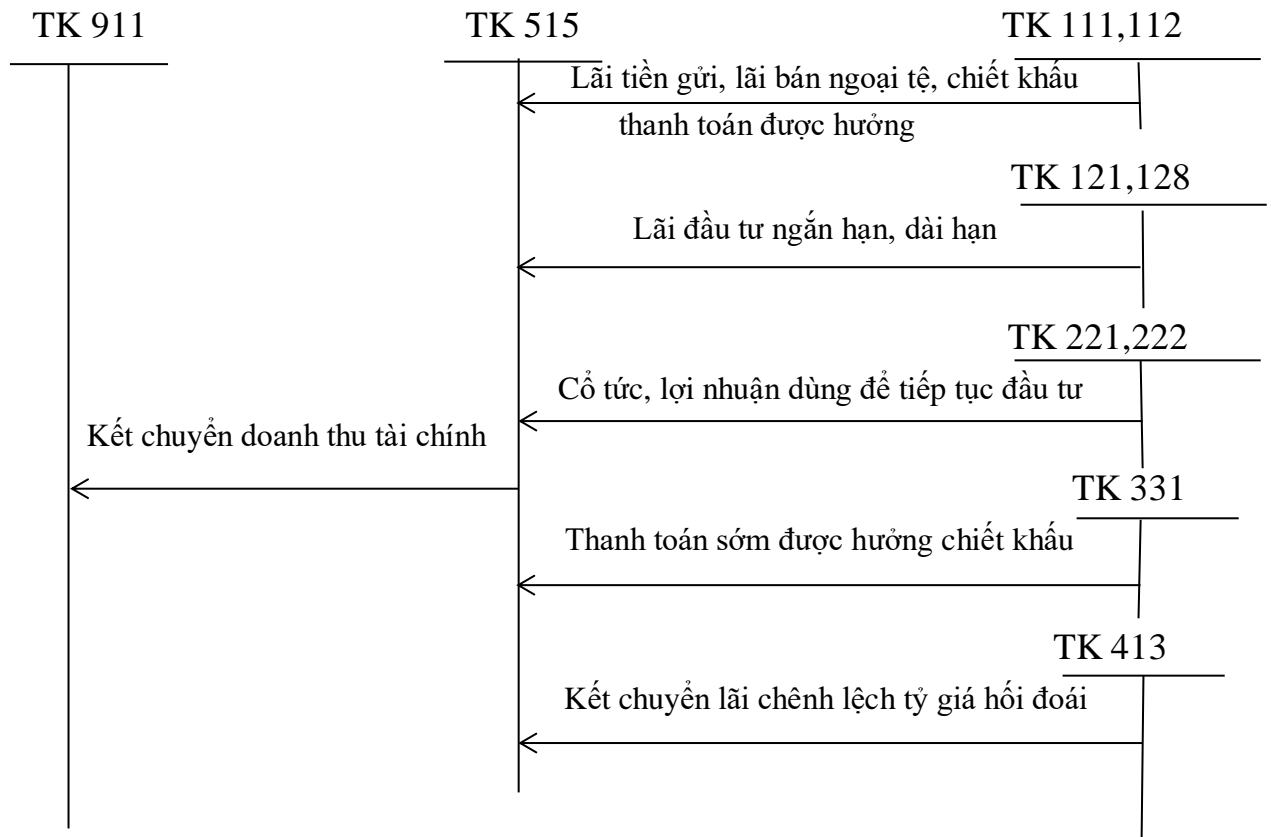
❖ *Tài khoản sử dụng*

- *Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kế cấu tài khoản

NỢ	TK 515	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh". 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 515 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.7.2. Kế toán chi phí tài chính

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ.
- Các chứng từ khác liên quan.

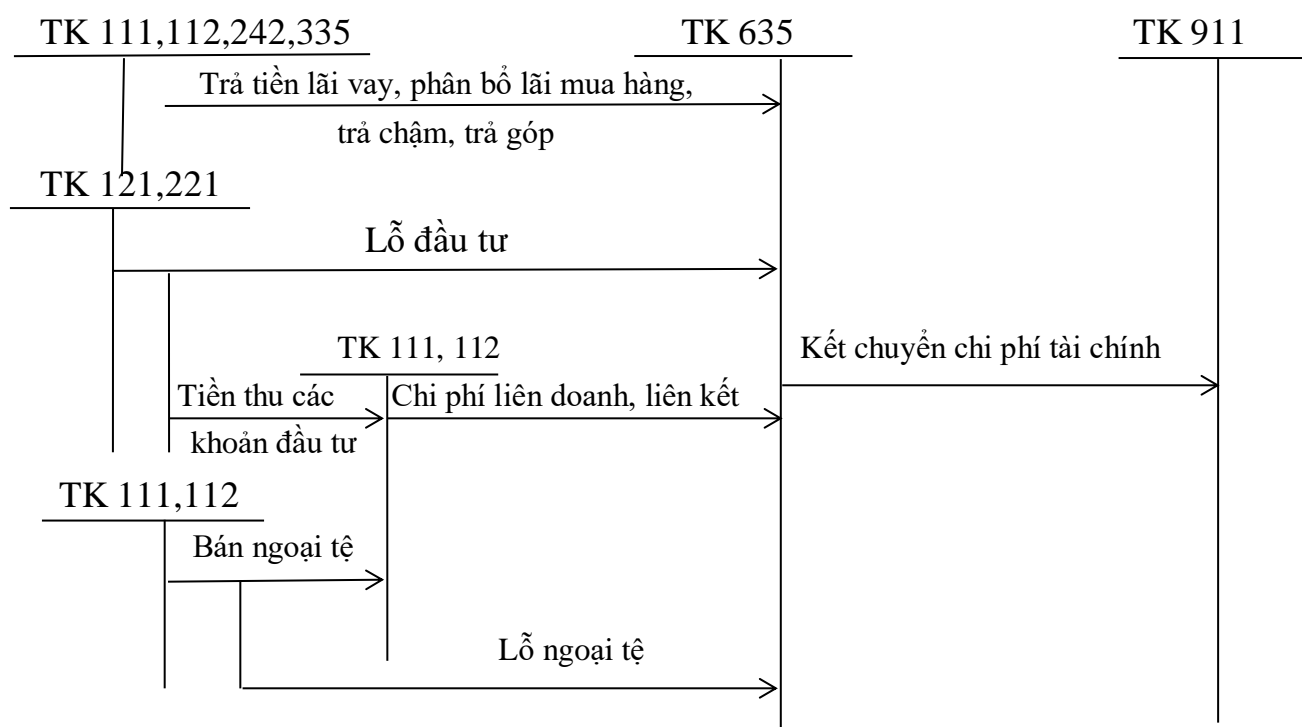
❖ Tài khoản sử dụng

- *Tài khoản 635- Chi phí hoạt động tài chính*: Tài khoản này phản ánh khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

❖ Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 653	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. - Lỗ bán ngoại tệ. - Chiết khấu thanh toán cho người mua. - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. - Các khoản chi phí hoạt động đầu tư tài chính khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. 	
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 635 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ *Phương pháp hạch toán*



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

1.8. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác

1.8.1. Kế toán thu nhập khác

❖ *Chứng từ sử dụng*

- Phiếu thu, Báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

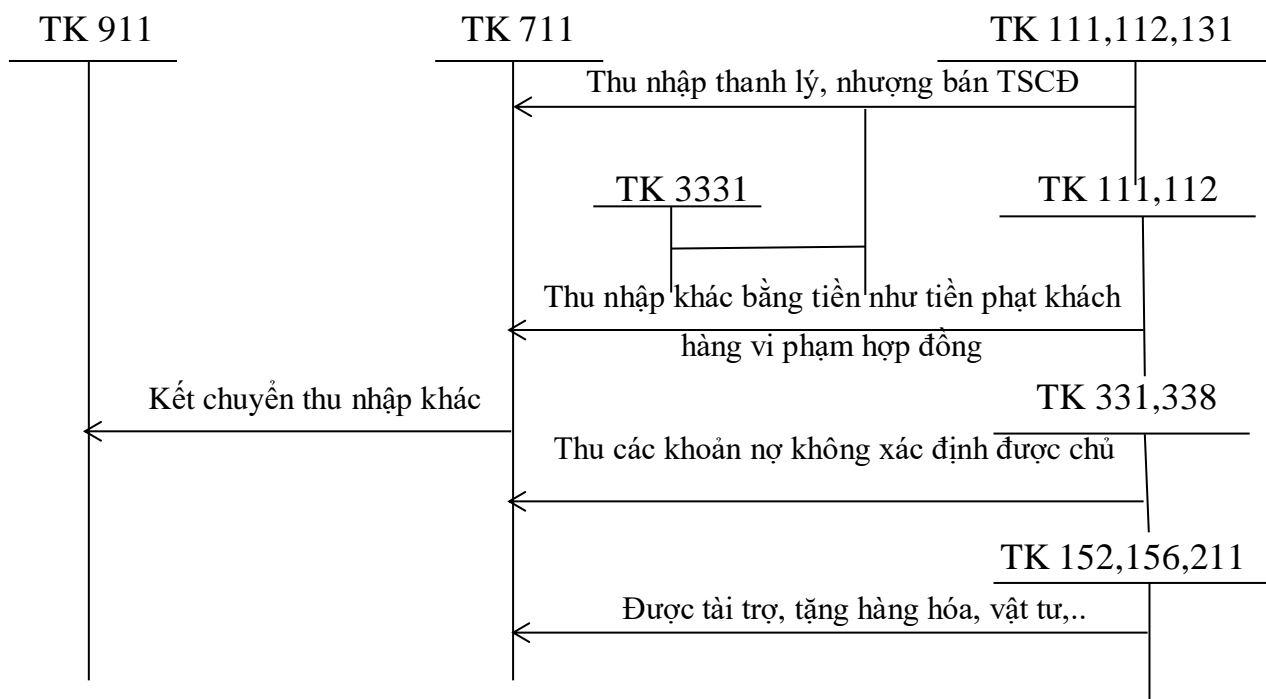
❖ *Tài khoản sử dụng*

- *Tài khoản 711- Thu nhập khác:* Tài khoản này phản ánh thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi xử lý đã xóa sổ, các khoản thuế được ngân sách Nhà nước hoàn lại, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, khoản tiền thưởng cho khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có), thu nhập từ quà từ quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ, năm nay mới phát hiện ra.

❖ Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 711	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh. 		<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 711 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập khác

1.8.2. Kế toán chi phí khác❖ Chứng từ ghi sổ

- Báo nợ, phiếu chi.
- Các chứng từ khác liên quan.

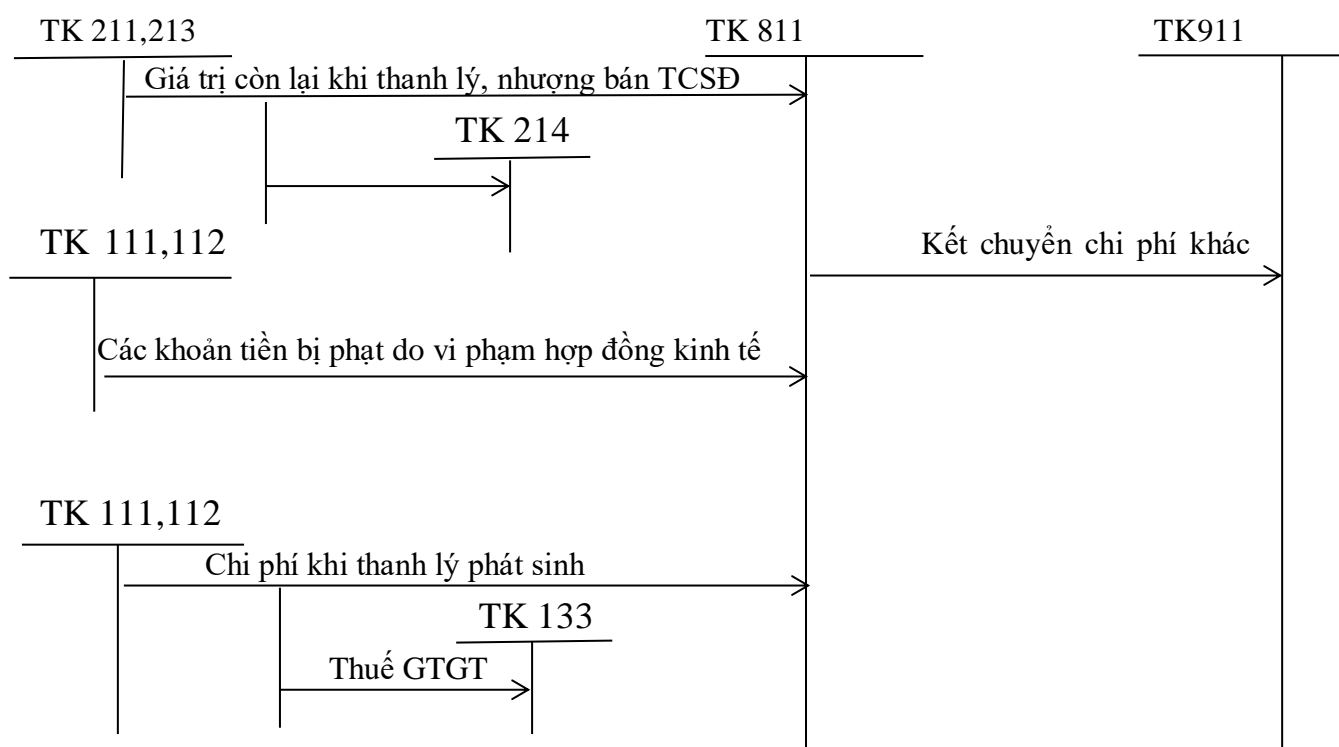
❖ Tài khoản sử dụng

- *Tài khoản 811- Chi phí khác*: Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có), tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phát thuế, truy thu thuế, các khoản phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản phí khác.

❖ Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 811	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” 	
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 811 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ *Phương pháp hạch toán*



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí khác

1.9. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

❖ *Chứng từ sử dụng*

- Phiếu kế toán
- Chứng từ khác có liên quan

❖ *Tài khoản sử dụng*

- *Tài khoản 911:* Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- *Tài khoản 421:* Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp. Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2

+ *Tài khoản 4211- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước:* Phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của các

năm trước. TK 4211 còn dùng để phản ánh số điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của TK 4211 khi áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của năm trước, năm nay mới phát hiện. Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ TK 4211 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay” sang TK 4211 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước”.

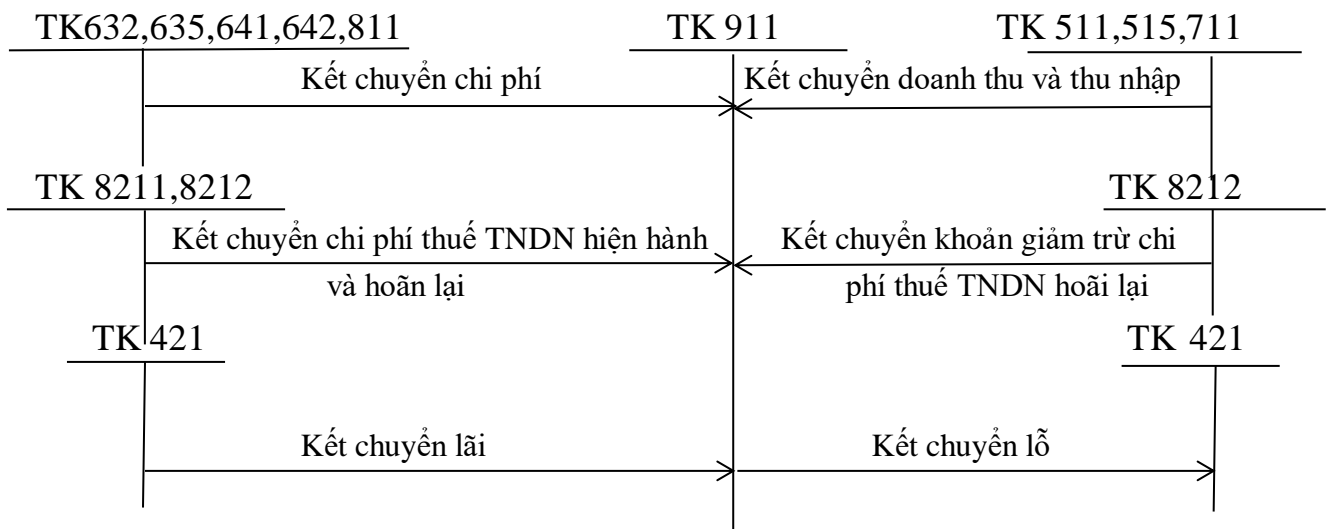
+ *Tài khoản 4212- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*: Phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ của năm nay.

- *Tài khoản 821*: Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

+ Tài khoản 8211- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

+ Tài khoản 8212- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

❖ Phương pháp hạch toán

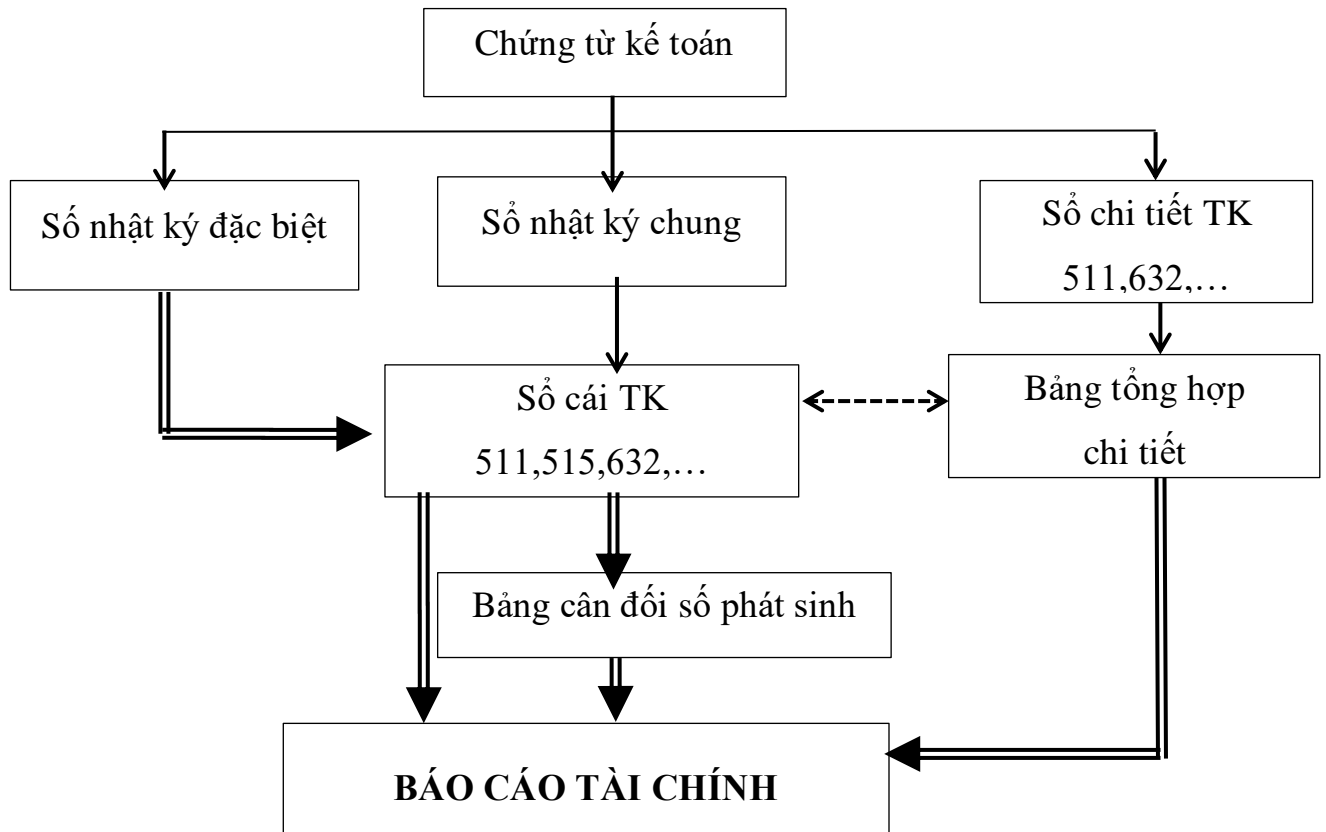


Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.10. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo TT 200/2014 của bộ tài chính doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

1.10.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

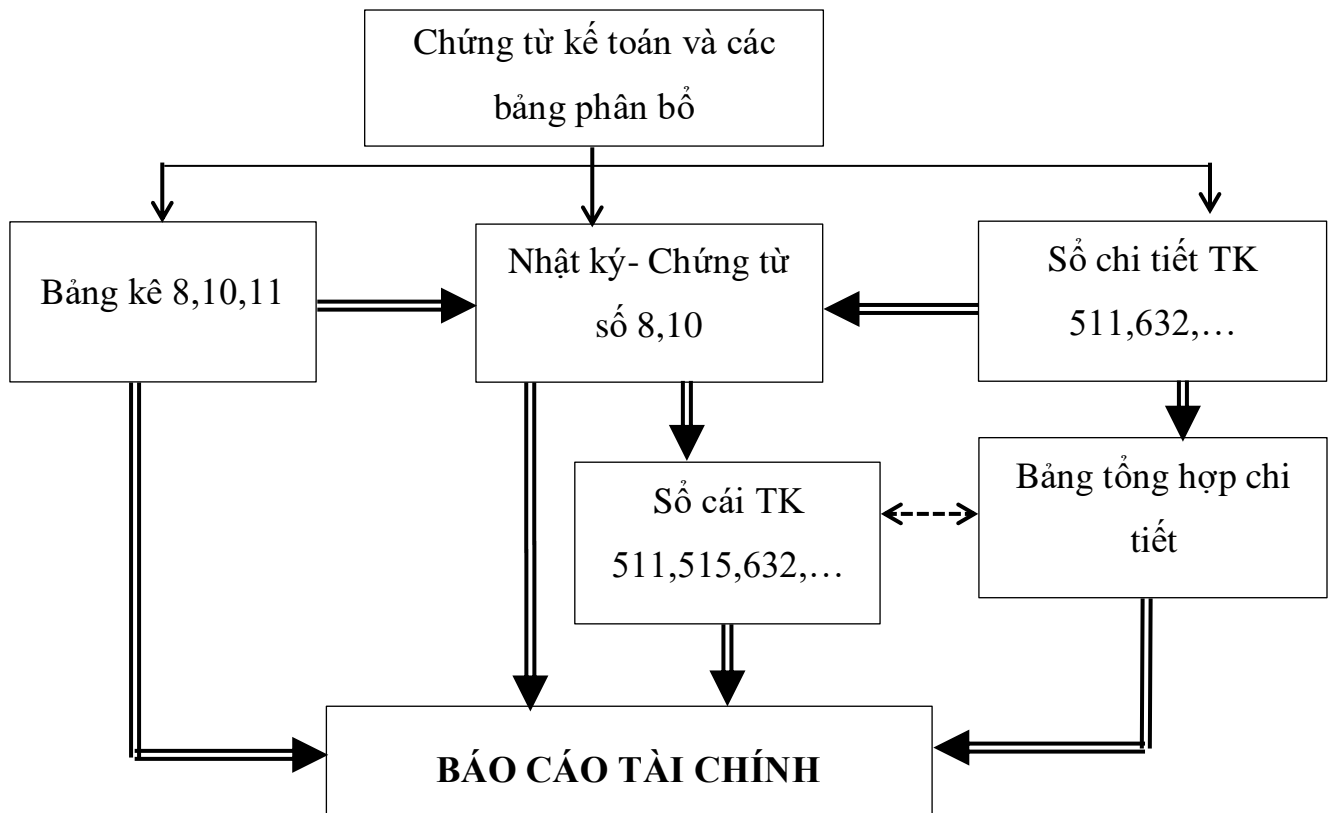


Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- : Ghi định kỳ
- : Đối chiếu

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung

1.10.2. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ

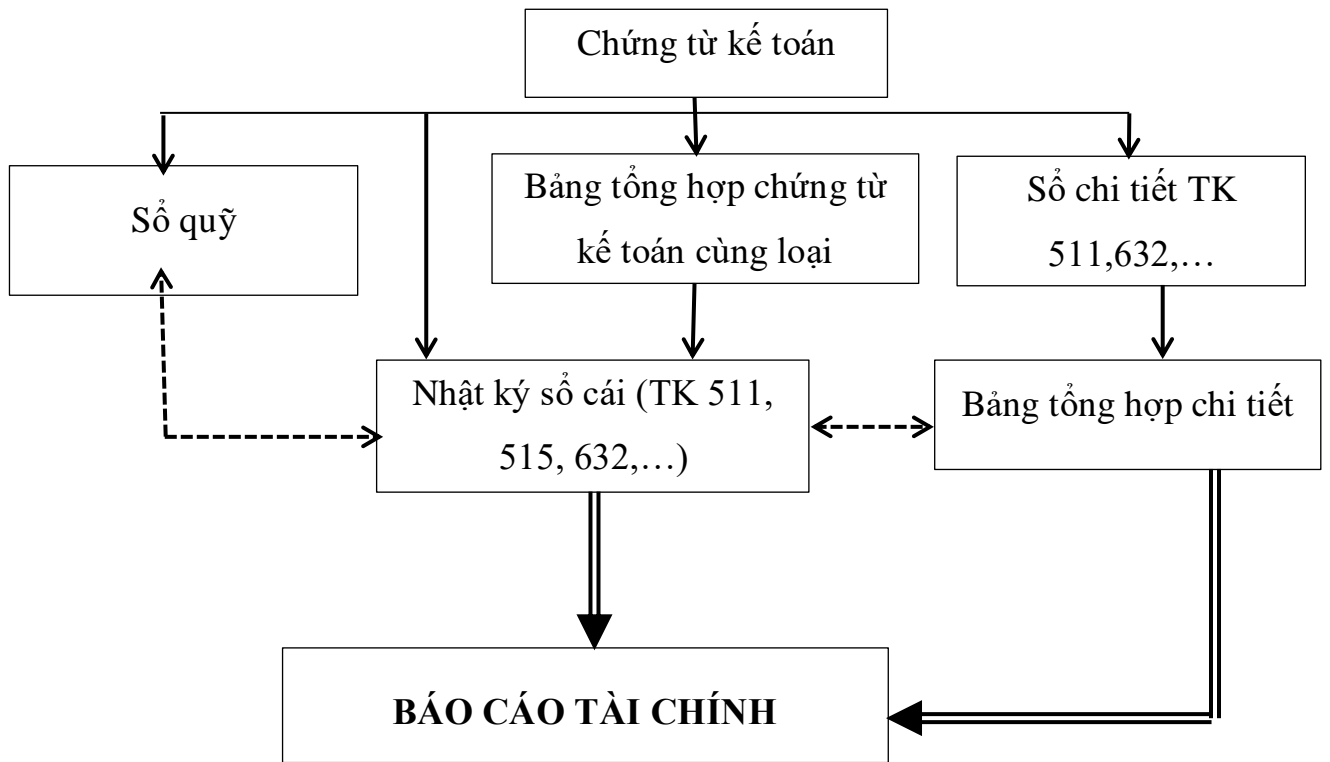


Ghi chú:



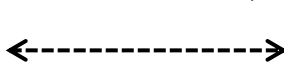
- : Ghi hàng ngày
- : Ghi định kỳ
- : Đối chiếu

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- Chứng từ

1.10.3. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái

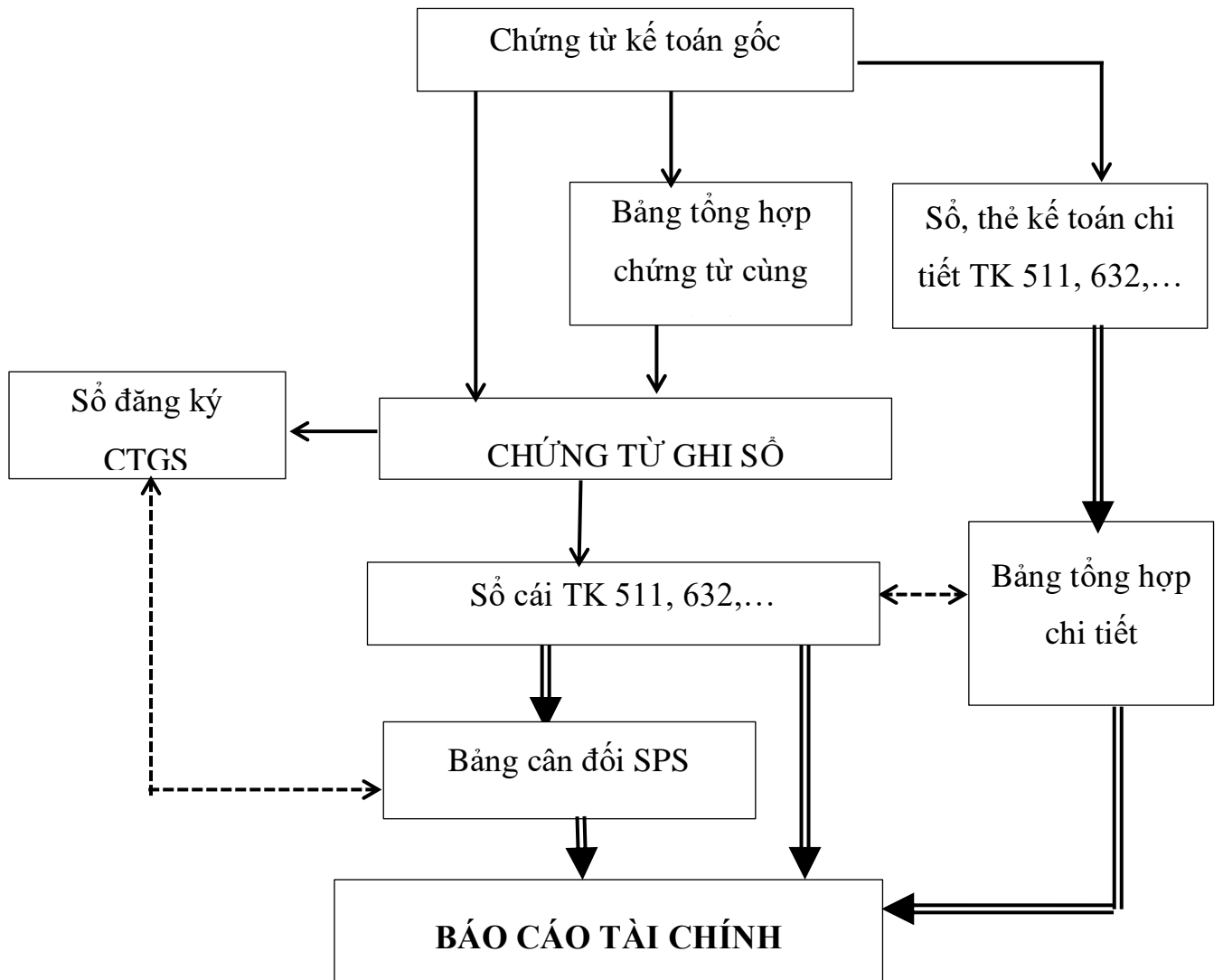


Ghi chú:

-  : Ghi hàng ngày
-  : Ghi định kỳ
-  : Đối chiếu

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- Sổ cái

1.10.4. Hình thức nhật ký chứng từ ghi sổ

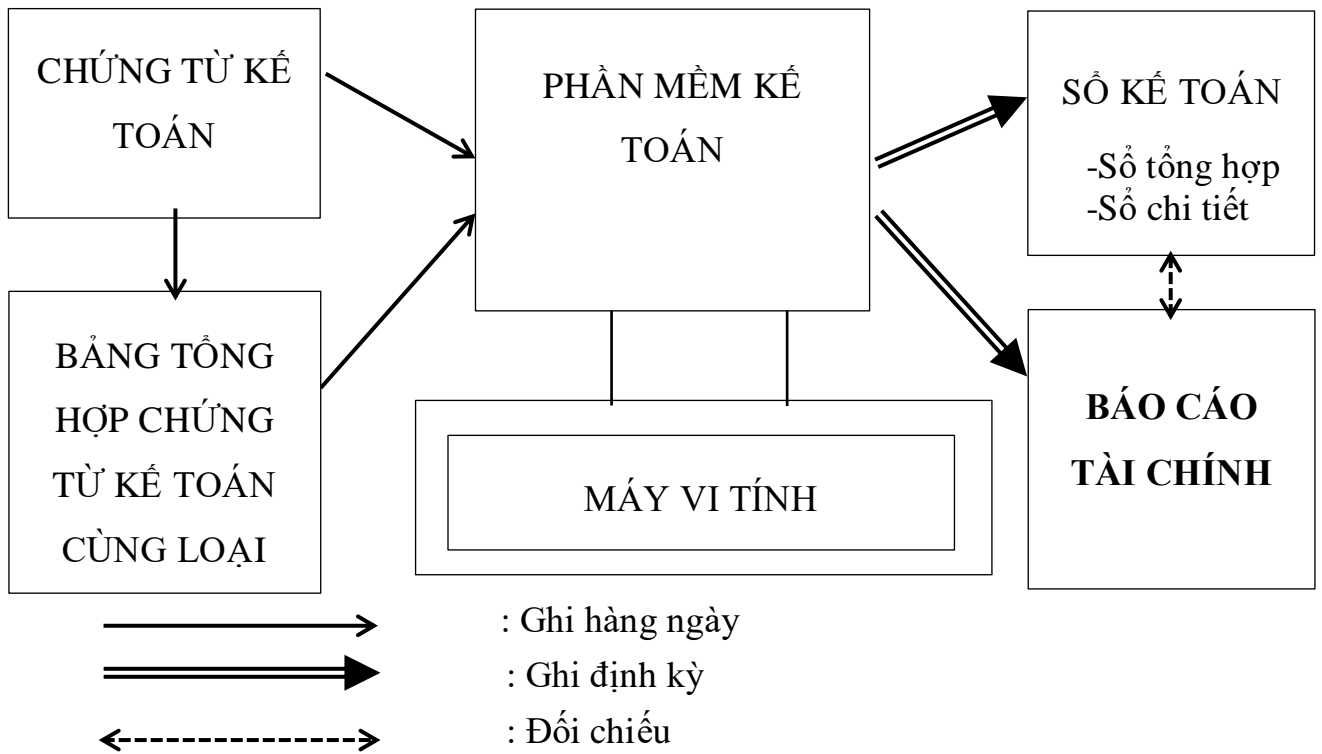


Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- : Ghi định kỳ
- : Đối chiếu

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- Sổ cái

1.10.5. Hình thức kế toán máy



Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT HUY

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Huy.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Việt Huy.

CÔNG TY TNHH VIỆT HUY được thành lập vào tháng 10 năm 2006, công ty chuyên sản xuất và kinh doanh giàn giáo xây dựng.

- **Tên công ty:** Công ty TNHH Việt Huy
- **Tên giao dịch quốc tế:** Viet Huy Limited Company
- **Địa chỉ:** Số 10, đường Hồng Bàng, Phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng
- **Mã số thuế:** 0200690978
- **Số điện thoại :** (0225) 3.599.175
- **Vốn điều lệ :** 1.000.000.000 (Một tỷ đồng chẵn./.)
- **Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất và kinh doanh giàn giáo xây dựng.
- **Giấy phép kinh doanh số:** 0200690978 **cấp ngày:** 23/10/2006

- Công ty TNHH Việt Huy được thành lập ngày 23/10/2006. Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0200690978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Công ty TNHH Việt Huy là công ty chuyên sản xuất, mua và bán buôn giàn giáo xây dựng

- Công ty ra đời trong sự phát triển của nền kinh tế, đời sống nhân dân ngày càng cao, các công trình xây dựng ngày càng nhiều nhu cầu về nhà ở tăng cao. Được thành lập từ năm 2006 đến nay công ty đã có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức nhân sự, bổ sung ngành nghề kinh doanh sao cho phù hợp với sự phát triển của xã hội đòi hỏi tập thể lãnh đạo và các cán bộ nhân viên công ty phải cố gắng nỗ lực hết mình. Công ty TNHH Việt Huy trải qua 12 năm hình thành và phát triển. Tuy thời gian chưa dài nhưng đã có một hình ảnh và uy tín tốt đẹp, mặc dù thị trường luôn có những sự cạnh tranh khốc liệt phẩm chất hàng hóa, chất lượng phục vụ. Nhưng công ty không những giữ vững được thị trường mà còn luôn phát triển và lớn mạnh đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, đảm bảo khả năng thu hồi vốn để tái đầu tư mở rộng. Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, giữ vững được mối quan

hệ tốt đẹp với các bạn hàng và khai thác những khách hàng tiềm năng cũng như mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động.

Sự phát triển của công ty thể hiện qua một số chỉ tiêu tài chính của 2 năm gần đây (**Bảng 2.1**)

Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu tài chính của công ty trong 2 năm gần đây

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	2016	2017
1. Doanh thu	2.074.121.093	3.073.682.710
2. Lợi nhuận trước thuế	52.736.253	76.026.332
3. Thuế TNDN nộp NN	11.601.975	15.205.270
4. Thu nhập BQ/người/tháng	4.112.567	4.934.245

(Nguồn: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

2.1.2. Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Huy.

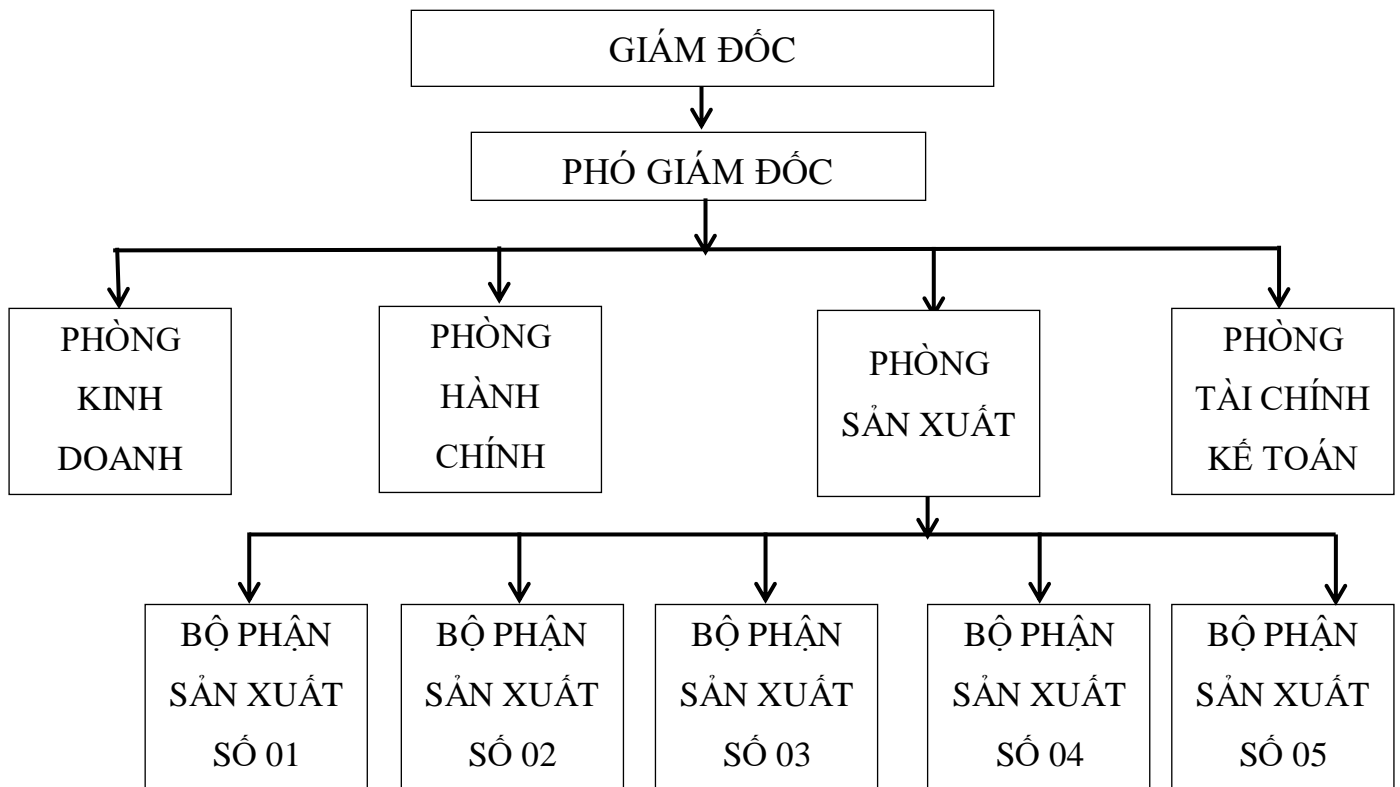
Công ty chủ yếu sản xuất và kinh doanh các loại giàn giáo như:

Giàn giáo khung (giàn giáo chữ H)

Ngoài ra công ty còn sản xuất thêm giàn giáo nôm

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Việt Huy.

Để đảm bảo công tác quản lý và điều hành một cách thuận lợi và hiệu quả. Công ty đã áp dụng cơ cấu tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng (Sơ đồ 2.1)



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Việt Huy

Đứng đầu là Giám đốc nắm mọi quyền quyết định của công ty. Phó giám đốc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Các phòng ban nhận lệnh từ một cấp trên, trợ giúp về chuyên môn nghiệp vụ.

Chức năng và nhiệm vụ cụ thể:

- **Giám đốc:** Có toàn quyền giải quyết mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của công ty. Có chức năng quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách cụ thể.

- **Phó giám đốc:** Là người quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về trách nhiệm quản lý, điều hành.

- **Phòng Kinh doanh:** Tham mưu cho Giám đốc về công tác lập kế hoạch và lên phương án kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ của Công ty, nghiên cứu phát triển sản phẩm, thị trường, xây dựng các mối quan hệ khách hàng.

- **Phòng Hành chính:** Có chức năng tổ chức, quản lý nhân sự, giải quyết các chế độ cho người lao động theo đúng quy định của công ty và luật lao động. Tiếp nhận và xử lý các công việc nội bộ trong doanh nghiệp, soạn thảo, lưu trữ và phát hành văn bản con dấu có tính chất pháp lý, đảm bảo công tác văn phòng cho toàn công ty...

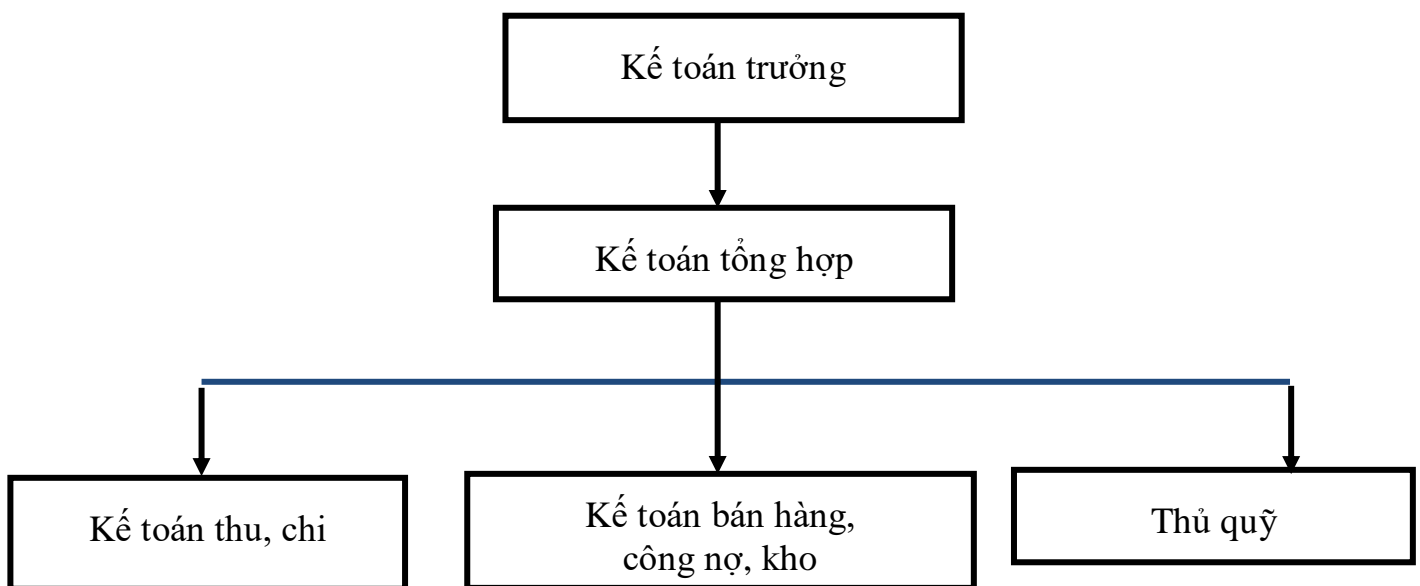
- **Phòng Tài chính kế toán:** Quản lý, kiểm tra hướng dẫn và thực hiện chế độ kế toán – thống kê, đáp ứng nhu cầu về tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Giúp Giám đốc về công tác thống kê, đảm bảo nguồn vốn, tổ chức hạch toán, phản ánh chính xác, đầy đủ số liệu, trữ liệu hồ sơ.

- **Phòng Sản xuất:** Chịu trách nhiệm quản lý, sản xuất bảo đảm hàng hóa.
- + *Bộ phận sản xuất số 01:* Chịu trách nhiệm cắt thép và dập các vật tư phụ.
- + *Bộ phận sản xuất số 02:* Chịu trách nhiệm hàn giàn giáo.
- + *Bộ phận sản xuất số 03:* Chịu trách nhiệm kiểm tra và vệ sinh sản phẩm.
- + *Bộ phận sản xuất số 04:* Chịu trách nhiệm sơn sản phẩm.
- + *Bộ phận sản xuất số 05:* Chịu trách nhiệm phun logo.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Việt Huy.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Việt Huy.

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán công ty TNHH Việt Huy

(Nguồn: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

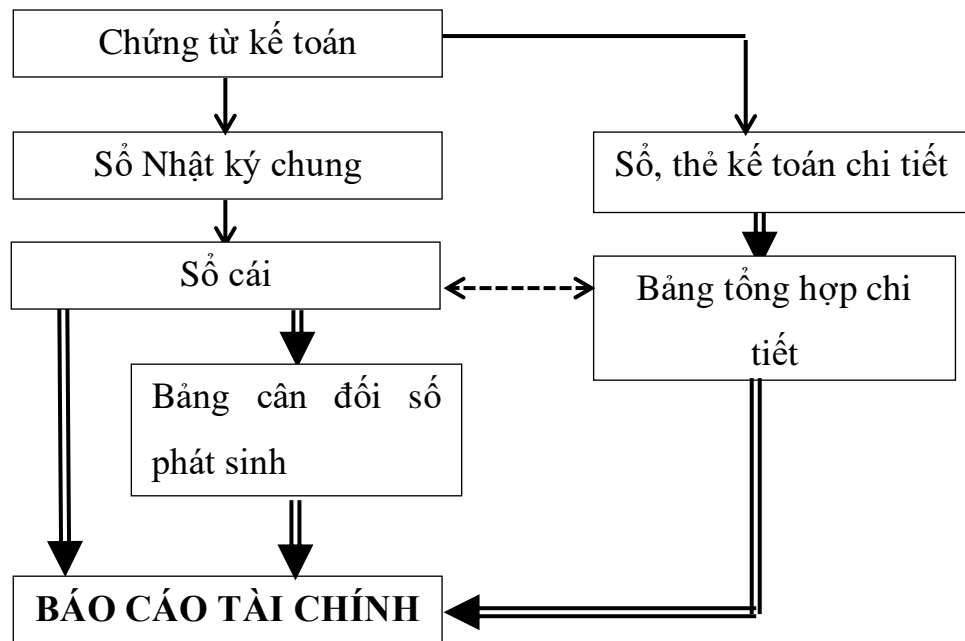
- **Kế toán trưởng:**

Người được bổ nhiệm theo quyết định của giám đốc công ty, có trách nhiệm đôn đốc các kế toán viên làm việc có hiệu quả. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán của công ty và chịu sự điều hành của giám đốc

- Kế toán tổng hợp:
Kiểm tra định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
 - + Kiểm tra sự chính xác giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp
 - + Kiểm tra số dư cuối kì có hạch toán đúng và khớp với báo cáo chi tiết hay không.
 - + Hạch toán thu nhập, chi phí khấu hao, tài sản cố định, công nợ, thuế GTGT, báo cáo thuế ,...
 - + Lập báo cáo tài chính theo từng tháng, quý, năm
 - + Lưu trữ dữ liệu kế toán theo quy định
- Kế toán vốn bằng tiền:
 - + Lập phiếu thu, phiếu chi tiền mặt
 - + Theo dõi dòng tiền vào, dòng tiền ra của công ty
 - + Theo dõi việc thanh toán của khách hàng
- Kế toán bán hàng, công nợ, kho
Theo dõi tình hình thanh toán của công ty với các khách hàng
 - + Đối chiếu công nợ của công ty với khách hàng
 - + Thực hiện việc ghi chép sổ quỹ
 - + Quản lý chứng từ, sổ sách liên quan đến thu, chi tiền mặt
 - + Theo dõi vật tư nguyên liệu nhập xuất trong kho
- Thủ quỹ:
Trực tiếp thu chi tiền, tiếp nhận chứng từ ngân hàng theo dõi số dư tài khoản tại các ngân hàn

2.1.4.2. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Việt Huy.

- Chế độ kế toán áp dụng: Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.
- Kỳ kế toán của năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Nhập trước- xuất trước.
- Phương pháp tính khấu hao: Phương pháp đường thẳng.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- : Ghi định kỳ
- : Đối chiếu

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Việt Huy.

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Huy

2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Việt Huy

2.2.1.1 Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty

- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Phiếu thu
- ✓ Giấy báo có của ngân hàng
- ✓ Ủy nhiệm thu ...

2.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty

- ✓ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.1.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty

- Sổ tổng hợp:

- ✓ Sổ nhật ký chung
- ✓ Sổ cái TK 511

Ví dụ 1: Ngày 18/12 xuất bán 10 bộ giàn giáo chữ H bán cho Công ty CP xây dựng nhà ở Hải Phòng với giá 620.000 đồng/bộ (chưa có thuế VAT 10 %), đã thanh toán bằng tiền mặt.

Định khoản:

Nợ TK 111: 6.820.000

Có TK 511: 6.200.000

Có TK 3331: 620.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0001264 (**biểu số 2.1**), phiếu thu số 15 (**biểu số 2.2**), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**biểu số 2.6**)

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001264

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/003		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/16P		
(Liên 3: Nội bộ)			Số: 0001264		
Ngày 18 tháng 12 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Việt Huy					
Mã số thuế: 0200690978					
Địa chỉ: số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, Hải Phòng					
Điện thoại:					
Số tài khoản:Fax:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty CP xây dựng nhà ở Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200158403					
Địa chỉ:..Số 40 An Đà- Quận Ngô Quyền- TP. Hải Phòng- Việt Nam					
Hình thức thanh toán:TM.....; Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Giàn giáo khung	Bộ	10	620.000	6.200.000
Cộng tiền hàng:					6.200.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		620.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					6.820.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Biểu số 2.2: Phiếu thu số 15/12

Công ty TNHH Việt Huy Số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	Mẫu số: 01 – TT (Ban hành theo TT 200/2014 – BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
Số: ...015/12.....				
PHIẾU THU				
<i>Ngày 18 tháng 12 năm 2017</i>				
Nợ 111: 6.820.000 Có 511: 6.200.000 Có 3331: 620.000				
Họ và tên người nộp tiền: Công ty CP xây dựng nhà ở Hải Phòng Địa chỉ: Số 40, An Đà, quận Ngô Quyền, Hải Phòng Lý do nộp: Trả tiền hàng theo HĐ 0001264..... Số tiền: 6.820.000..... (Viết bằng chữ): Sáu triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng chẵn. Kèm theo: HĐ0001264				
<i>Ngày 18 tháng 12 năm 2017</i>				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Sáu triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng chẵn + Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): + Số tiền quy đổi:				

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Ví dụ 2: Ngày 23/12 xuất bán cho Công ty xây dựng Bảo Nam 50 bộ giàn giáo chữ H chưa thu tiền, số tiền là 34.100.000 (đã bao gồm thuế VAT 10%).

Định khoản:

Nợ TK 131: 34.100.000

Có TK 511: 31.000.000

Có TK 3331: 3.100.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0001270 (**biểu số 2.3**).

Biểu số 2.3. Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001270

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/003		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/16P		
(Liên 3: Nội bộ)			Số: 0001270		
Ngày 23 tháng 12 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Việt Huy					
Mã số thuế: 0200690978					
Địa chỉ: số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, Hải Phòng					
Điện thoại:					
Số tài khoản:Fax:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty xây dựng Bảo Nam.....					
Mã số thuế: 0201305468.....					
Địa chỉ: Số 540 Thiên Lô- P.Vĩnh Niệm- Q. Lê Chân- TP. Hải Phòng- Việt Nam					
Hình thức thanh toán:CK.....; Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Giàn giáo chữ H	Bộ	50	620.000	31.000.000
Cộng tiền hàng:					31.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		3.100.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					34.100.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi tư triệu một trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Ví dụ 3: Ngày 25/12/2017 Công ty xuất bán 200 bộ giàn giáo khung cho công ty TNHH xây dựng Vina theo HĐ0001278 với đơn giá là 620.000/bộ, đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Định khoản:

Nợ TK 112 : 136.400.000

Nợ TK 511 : 124.000.000

Có TK 3331 : 12.400.000


Căn cứ vào HĐ0001278 (**Biểu số 2.4**) và giấy báo có (**Biểu số 2.5**), kế toán ghi sổ nhật kí chung (**biểu số 2.6**) từ nhật kí chung vào sổ cái (**biểu số 2.7**).

Biểu số 2.4. Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001278

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/003			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/16P			
(Liên 3: Nội bộ)		Số: 0001278			
Ngày 25 tháng 12 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Việt Huy					
Mã số thuế: 0200690978					
Địa chỉ: số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, Hải Phòng					
Điện thoại:					
Số tài khoản:Fax:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty xây dựng Vina.....					
Mã số thuế: 0200589756.....					
Địa chỉ:.. Lô II-11, Khu công nghiệp Hồ Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai					
Hình thức thanh toán:CK.....; Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Giàn giáo chữ H	Bộ	200	620.000	124.000.000
Cộng tiền hàng:					124.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		12.400.00
Tổng cộng tiền thanh toán:					136.400.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Biểu số 2.5: Giấy báo có ngân hàng Agribank

		LỆNH THANH TOÁN LỆNH CÓ		Số tham chiếu đi: 10001150
		Số tham chiếu đến: 8800ITL161049108		
NH gửi lệnh: 79617001- NH TNHH một thành viên HSBC				
NH nhận tiền: 01204001- NHNO&PTNT Việt Nam		Ngày lập lệnh: 25/12/2017		
Người phát lệnh: CONG TY TNHH XAY DUNG VINA				
Chứng minh thư:		Mã số thuế:		
Địa chỉ: LO II-11, KCN HO NAI, HUYEN TRANG BOM, DONG NAI				
Số tài khoản: 001-185560-796170		Tại: 79617001- NH TNHH MTV HSBC		
Người nhận lệnh: CTY TNHH VIET HUY				
Chứng minh thư:		Mã số thuế:		
Số tài khoản: 8800201004614		Tại: 10204001- NHNO thành phố Hải Phòng		
Số tiền (Bằng số):		136.400.00		
Số tiền (Bằng chữ):		Một trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn VND		
Chương, loại, khoản, mục:				
Nội dung:		TT TK DVH TAI NONG NGHIEP THANH PHO HAI PHONG		
		Giao dịch viên	Kiểm soát	

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Biểu số 2.6: Trích trang nhật ký chung

Công ty TNHH Việt Huy
số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối,
quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
Ban hành theo TT 200/2014 – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÍ CHUNG**Năm 2017**

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
18/12	HĐ0001264 PT15/12	18/12	Bán giàn giáo chữ H cho công ty CP xây dựng nhà ở Hải Phòng	111	6.820.000	
				511		6.200.000
				3331		620.000
...
23/12	HĐ0001270	23/12	Công ty xây dựng Bảo Nam mua giàn giáo chữ H chưa trả tiền	131	34.100.000	
				511		31.000.000
				3331		3.100.000
....
25/12	HĐ0001278	25/12	Công ty TNHH xây dựng Vina mua giàn giáo chữ H thanh toán bằng chuyển khoản	112	136.400.000	
				511		124.000.000
				3331		12.400.000
...
			Tổng cộng		16.239.263.823	16.239.263.823

Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Kế toán căn cứ sổ nhật ký chung (**biểu 2.6**) để tiến hành ghi sổ cái (**biểu 2.7**)

Biểu số 2.7: Sổ cái TK 511

Công ty TNHH Việt Huy
số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối,
quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
Ban hành theo TT 200/2014 – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017
511- Doanh thu bán hàng
Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
18/12	PT15/12	18/12	Bán giàn giáo chữ H cho công ty CP xây dựng nhà ở Hải Phòng	111		6.200.000
...
23/12	HD 0001270	23/12	Công ty xây dựng Bảo Nam mua giàn giáo chữ H chưa trả tiền	131		31.000.000
25/12	HD 0001278	25/12	Công ty xây dựng Vina mua giàn giáo chữ H thanh toán bằng chuyển khoản	112		124.000.000
...
31/12	PKT40	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	3.073.682.710	
			Cộng số phát sinh		3.073.682.710	3.073.682.710
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Công ty TNHH Việt Huy không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trong năm 2017 do:

Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.

Công ty không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

Công ty chỉ tiêu thụ trong nước nên không chịu thuế xuất khẩu.

Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

2.2.3.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán.

Giá vốn của hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng hóa xuất bán trong kỳ. Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước – xuất trước.

2.2.3.2. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ liên quan khác.

2.2.3.3. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

- Tài khoản 632: giá vốn hàng bán và các TK có liên quan khác.
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 632

❖ Ví dụ minh họa

- Ngày 18/12 xuất bán 10 bộ giàn giáo chữ H bán cho Công ty CP xây dựng nhà ở Hải Phòng, theo HĐ0001264 (**Biểu 2.1**)

Căn cứ vào số lượng bán trên hóa đơn kế toán viết phiếu xuất kho số 3/12 (**biểu 2.9**) kế toán định khoản giá vốn hàng bán. Căn cứ vào sổ chi tiết mở cho Giàn Giáo chữ H (**biểu 2.8**), kế toán xác định đơn giá xuất kho là 500.000đ/bộ

Nợ TK 632 : 5.000.000

Có TK 156: 5.000.0000

Từ đó ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.10**), sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ cái tài khoản 632 (**Biểu số 2.11**)

Biểu số 2.8: Sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)

Công ty TNHH Việt Huy Số 10 đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng					Mẫu số S10 –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)						
SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)											
Tháng 12 năm 2017 Tài khoản 156 Tên quy cách: giàn giáo chữ H											
Đơn vị tính: bộ											
Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	
		SDDK		500.000					1500	930.000.000	
PXK 3/12	18/12	Xuất hàng theo HĐ0001264	632	500.000			10	5.000.000	1490	925.000.000	
PXK 8/12	23/12	Xuất hàng theo HĐ 0001295	632	500.000			50	25.000.000	1440	900.000.000	
PXK 9/12	25/12	Xuất hàng theo HĐ0001268	632	500.000			200	100.000.000	1240	800.000.000	
				
		Cộng SPS					1150	575.000.000			
		SDCK							350	175.000.000	
Người ghi sổ					Kế toán trưởng			Ngày tháng 12 năm 2017			
								Giám đốc			

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho số 3/12

Công ty TNHH Việt Huy				Mẫu số 02 –VT			
Số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối				(Ban hành theo TT 200/2014-BTC			
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng				ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 18 tháng 12 năm 2017							
Số 3/12							
Nợ TK 632							
Có TK 156							
Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Mạnh							
Đơn vị: chi nhánh Công ty CP xây dựng nhà ở Hải Phòng							
Lý do xuất: Xuất hàng bán							
Xuất tại kho:							
STT	Tên thành phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Giàn giáo chữ H		Bộ	10	10	500.000	5.000.000
	Cộng						
Tổng tiền (bằng chữ): Sáu mươi tám triệu hai trăm ngàn đồng chẵn.							
Ngày 18 tháng 12 năm 2017							
Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc			
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)			

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Biểu số 2.10: Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Việt Huy Số 10, đường Hồng Bàng, Phường Trại Chuối Quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng				Mẫu số S03a –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
NHẬT KÝ CHUNG Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
18/12/17	PNX 3/12	18/12/17	Giá vốn gián giáo chữ H	632	5.000.000	
				156		5.000.000
					
23/12/17	PXK 8/12	23/12/17	Giá vốn gián giáo chữ H	632	25.000.000	
				156		25.000.000
					
25/12/17	PXK 9/12	25/12/17	Giá vốn gián giáo chữ H	632	100.000.000	
				156		100.000.000
					
			Cộng phát sinh		16.239.263.823	16.239.263.823
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632

Công ty TNHH Việt Huy Số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối, Quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng			Mẫu số S03b –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
SỔ CÁI Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 Loại TK: Giá vốn hàng bán Số hiệu: 632						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
18/12/17	PXK 3/12	18/12/17	Bán gián giáo chữ H	156	5.000.000	
					
23/12/17	PXK 8/12	23/12/17	Bán gián giáo chữ H	156	25.000.000	
					
25/12/17	PXK 9/12	25/12/17	Bán gián giáo chữ H	156	100.000.000	
					
31/12/17	PKT 41	31/12/17	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		2.413.560.929
			Cộng số phát sinh		2.413.560.929	2.413.560.929
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

- ❖ Chứng từ kế toán
 - Bảng lương, bảng phân bổ lương.
 - Bảng phân bổ chi phí trả trước.
 - Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ.
 - Phiếu chi, giấy báo nợ, Hóa đơn GTGT.
 - Các chứng từ khác có liên quan, ...
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - TK 641- Chi phí bán hàng.
 - TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- ❖ Sổ sách kế toán
 - Sổ Nhật ký chung.
 - Sổ cái TK 641.
 - Sổ cái TK 642

Ví dụ 4: Ngày 9/12/2017 Kế toán thanh toán tiền điện thoại của văn phòng cho công ty Viễn thông số HĐGTGT 1002039 (Biểu 2.12). Số tiền ghi trên hóa đơn là 1.830.675 (VAT 10%)

Định khoản

Nợ TK 642 : 1.664.250

Nợ TK 133 : 166.425

Có TK 111 : 1.830.675

Căn cứ vào HĐ1002039 (**Biểu 2.12**) Kế toán tiến hành lập phiếu chi 17/12 (**Biểu 2.13**). Dựa vào hóa đơn và phiếu chi kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.17**)

Biểu số 2.12: Hóa đơn dịch vụ viễn thông

		Mẫu số: 01GTKT0/001			
HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) Telecommunication service invoice (VAT)		Ký hiệu: BB/13E Số: 1002039			
Đơn vị bán hàng: Trung tâm kinh doanh VNPT- Hải Phòng- Chi nhánh Tổng công ty dịch vụ viễn thông Mã số thuế: 0106867938-051 Địa chỉ: Tòa nhà VNPT Hải Phòng, Số 4 Lạch Tray, phường Lạch Tray Tên khách hàng: Công ty TNHH Việt Huy Địa chỉ: số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng Số thuê bao: (0225).3.599.175 Mã số: Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST: 0200690978					
STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Cước dịch vụ viễn thông tháng 11/2017				1.664.250
Cộng tiền dịch vụ:					1.664.250
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		166.425
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.830.657
Số tiền (bằng chữ): Một triệu tám trăm ba mươi nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng					
Ký bởi: TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT HẢI PHÒNG CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG Ký ngày 09 tháng 12 năm 2018					

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Biểu số 2.13: Phiếu chi số 17/12

Công ty TNHH Việt Huy		Mẫu số 02 – TT		
Số 10, đường Hồng Bàng, Phường Trại Chuối		(Ban hành theo TT 200/2014-BTC		
Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng		ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
PHIẾU CHI				
Ngày 9 tháng 12 năm 2017				
Số: 17/12		Nợ TK 642: 1.664.250		
		Nợ TK 133: 166.425		
		Có TK 111: 1.830.657		
Họ và tên người nhận : Nguyễn Thị Lương				
Địa chỉ : Công ty dịch vụ viễn thông VNPT Hải Phòng				
Lý do chi : Thanh toán tiền dịch vụ viễn thông tháng 11/2017				
Số tiền : 1.830.657				
Bằng chữ : Một triệu tám trăm ba mươi nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng				
Kèm theo : Chứng từ gốc				
Ngày 14 tháng 12 năm 2017				
Gián đốc	Kế toán	Người	Người lập	Thủ quỹ
(Đã ký)	trưởng	nhận tiền	phiếu	(Đã ký)
<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Ví dụ 5: Ngày 16 tháng 12 năm 2017 Công ty mua văn phòng phẩm cho bộ phận bán hàng (giấy A4, bìa 1 cục, bìa còng 7F, bìa còng 3F ...) bằng tiền mặt theo HĐ0000125, số tiền ghi trên hóa đơn là 3.879.000

Định khoản

Nợ TK 641 : 3.879.000

Có TK 111 : 3.879.000

Căn cứ vào HĐ0000125 (**Biểu 2.14**) Công ty tiến hành lập phiếu chi 20/12 (**Biểu 2.15**). Dựa vào hóa đơn và phiếu chi Công ty tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.17**)

Biểu số 2.14: Hóa đơn GTGT 0000125

CỤC THUẾ TP. HẢI PHÒNG					
HÓA ĐƠN BÁN HÀNG			Mẫu số: 01GTTT3/001		
Liên 2: Giao cho khách hàng			Ký hiệu: 02AE/15P		
Ngày 16 tháng 12 năm 2017			Số : 0000125		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CPĐT VÀ XÂY DỰNG TCONS					
Địa chỉ: Số 25A Bạch Đằng, Thủy Nguyên, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: 0988.234.121			MST: 5300688760		
Họ và tên người mua hàng: Trịnh Văn Đắc					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Việt Huy					
Địa chỉ: Số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt			MST: 0200690978		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Giấy A4/70	thùng	7	257.000	1.925.000
2	Bìa 1 cục	Cái	100	2.800	280.000
3	Bìa còng 3F	Cái	15	20.000	300.000
4	Bìa còng 7F	Cái	15	38.000	570.000
5	Bìa còng 9F	Cái	15	40.000	600.000
6	Chân gim 23 – 10	Hộp	4	15.000	60.000
7	Bút gel TL B-07 X. Light	Cây	24	6.000	144.000
Cộng tiền bán hàng:					3.879.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Đã ký)			Người bán hàng (Đã ký)		

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Biểu số 2.15: Phiếu chi 20/12

Công ty TNHH Việt Huy		Mẫu số 02 – TT		
Số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng		(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
PHIẾU CHI				
Ngày 16 tháng 12 năm 2017				
Số: 20/12		Nợ TK 641: 3.879.000		
		Có TK 111: 3.879.000		
Họ và tên người nhận : Vũ Văn Minh				
Địa chỉ : Trung tâm thiết bị VP Phú Quý				
Lý do chi : Thanh toán tiền văn phòng phẩm				
Số tiền : 3.879.000				
Bằng chữ : Ba triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng./.				
Kém theo : Chứng từ gốc				
Ngày 16 tháng 12 năm 2017				
Gián đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Ví dụ 6: Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty tiến hành tính tiền lương phải trả cho công nhân viên từ đó tiến hành lập bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương (**Bảng 2.16**). Căn cứ vào bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương (**Bảng 2.16**) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.17**)

Biểu số 2.16: Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2017 Công ty TNHH Việt Huy

Công ty TNHH Việt Huy Số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng							Mẫu số 11 – LĐTT (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)					
BẢNG PHÂN BỐ LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG Tháng 12 năm 2017												
Đơn vị tính: VNĐ												
TK ghi Có/ Nợ	Tổng lương phải trả	Lương tính bảo hiểm	Tính vào chi phí doanh nghiệp				Cộng	Người lao động chịu			Cộng	Cộng có TK 338
			BHXH (17.5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	KPCĐ (2%)		BHXH (8%)	BHYT (1.5%)	BHTN (1%)		
TK 622	245.760.000	198.800.000	34.790.000	5.940.000	1.980.000	3.960.000	46.670.000					46.670.000
TK 641	28.200.000	23.740.000	4.154.500	712.200	237.400	474.800	5.578.900					5.578.900
TK 642	98.050.000	89.500.000	15.662.500	2.685.000	895.000	1.790.000	21.032.500					21.032.500
TK 334								12.400.000	2.325.000	1.550.000	16.275.000	16.275.000
Tổng	372.010.000	312.040.000	54.607.000	9.337.200	3.112.400	6.224.800	73.281.400	12.400.000	2.325.000	1.550.000	16.275.000	89.556.400

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Biểu số 2.17: Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Việt Huy				Mẫu số S03a -DN		
Số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối, Quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng				(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
9/12/17	HĐ 1002039	9/12/17	Thanh toán cước viễn thông	642	1.664.250	
				133	166.425	
				111		1.830.675
					
16/12/17	HĐ 0000125	16/12/17	Thanh toán văn phòng phẩm	641	3.879.000	
				111		3.879.000
					
31/12/17	BPBL T12	31/12/17	Tính ra tiền lương tháng 12	622	245.760.000	
				641	28.200.000	
				642	98.050.000	
				334		372.010.000
					
31/12/17	BPBL T12	31/12/17	Các khoản trích theo lương tháng 12	622	46.670.000	
				641	5.578.000	
				642	21.032.500	
				334	16.275.000	
				338		90.936.600
					
			Cộng phát sinh		<u>16.239.263.823</u>	<u>16.239.263.823</u>
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.17**) kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 641 (**Biểu 2.18**) và sổ cái TK 642 (**Biểu 2.19**)

Biểu số 2.18: Sổ Cái TK 641

Công ty TNHH Việt Huy Số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng			Mẫu số S03b -DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
SỔ CÁI Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 Loại TK: Chi phí bán hàng Số hiệu: 641						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
16/12/17	HĐ 0000125	16/12/17	Thanh toán tiền văn phòng phẩm	111	3.879.000	
					
31/12/17	BPBL T12	31/12/17	Tính ra lương tháng 12	334	28.200.000	
					
31/12/17	BPBL T12	31/12/17	Trích lương tháng 12	338	5.661.600	
					
31/12/17	PKT 41	31/12/17	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		215.236.168
			Cộng số phát sinh		215.236.168	215.236.168
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Biểu số 2.19: Sổ Cái TK 642

Công ty TNHH Việt Huy Số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng			Mẫu số S03b –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
SỔ CÁI Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 Loại TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp Số hiệu: 642						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
9/12/17	HĐ 0567936	9/12/17	Thanh toán tiền cược viễn thông	111	1.664.250	
					
31/12/17	BPBL T12	31/12/17	Tính ra lương tháng 12	334	98.050.000	
					
31/12/17	BPBL T12	31/12/17	Trích lương tháng 12	338	21.032.500	
					
31/12/17	PKT 41	31/12/17	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		369.000.068
			Cộng số phát sinh		369.000.068	369.000.068
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.**2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.**

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Giấy báo Có của ngân hàng.

Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng:

- Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

- Sổ nhật ký chung.

- Sổ cái TK 515 và các sổ sách liên quan khác.

Quy trình hạch toán:

Căn cứ giấy báo Có của ngân hàng, kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung và sổ cái TK 515. Cuối kỳ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Ví dụ 7: Ngày 31/12, Công ty nhận giấy báo có thông báo lãi tiền gửi ngân hàng Vietcom Bank số tiền: 15.005 đồng.

Định khoản:

Nợ TK 112: 15.005

 Có TK 515: 15.005

Căn cứ vào Giấy báo Có của ngân hàng Vietcombank (**biểu số 2.20**). Kế toán ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.21**) từ nhật ký chung vào sổ cái (**biểu số 2.22**).

2.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Trong kỳ công ty không phát sinh các khoản chi phí hoạt động tài chính

Biểu số 2.20: Giấy báo có ngân hàng Vietcombank



GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã GDV: TTT

Mã KH: VC/18T

Số GD: 0100112437

Kính gửi: CÔNG TY TNHH VIỆT HUY

Mã số thuế: 0200690978

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có: 0951004178679

Số tiền bằng số: 15.005

Số tiền bằng chữ: Mười năm nghìn không trăm linh năm đồng.

Nội dung: Trả lãi tiền gửi

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Biểu số 2.21: Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Việt Huy Số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng				Mẫu số S03a –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
<p>NHẬT KÝ CHUNG Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017</p>						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ'	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
9/12/17	HD 1002039	9/12/17	Thanh toán cước viễn thông	642	1.664.250	
				133	166.425	
				111		1.830.675
					
16/12/17	HD 0000125	16/12/17	Thanh toán tiền văn phòng phẩm	641	3.879.000	
				111		3.879.000
					
23/12/17	GBC 0100112437	31/12/17	Lãi nhập gốc	112	15.005	
				515		15.005
					
			Cộng phát sinh		16.618.741.735	16.618.741.735
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.21) kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 515 (Biểu 2.22)

Biểu số 2.22: Sổ cái TK 515

Công ty TNHH Việt Huy Số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng			Mẫu số S03b -DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
SỔ CÁI Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 Loại TK: Doanh thu hoạt động tài chính Số hiệu: 515						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
31/12/17	GBC 0100112437	31/12/17	Lãi nhập gốc	112	15.005	
31/12/17	PKT 40	31/12/17	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911		140.805
			Cộng số phát sinh		140.805	140.805
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**2.2.6.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**

Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán.

Tài khoản sử dụng:

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 821: Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK 911, 821, 421...

Để kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán tiến hành lập các phiếu kế toán số 40, 41, 42, 43, 44 (**Biểu 2.23, 2.24, 2.25, 2.26, 2.27**).

Từ các phiếu kế toán ghi sổ nhật ký chung (**Biểu 2.28**) sau đó từ Sổ Nhật ký chung phản ánh sổ cái TK 911 (**Biểu 2.29**), sổ cái TK 821 (**Biểu 2.30**), sổ cái TK 421 (**Biểu 2.31**).

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh (**Biểu 2.32**)

Biểu số 2.23: Phiếu kế toán số 40

Công ty TNHH Việt Huy Số 10 – Hồng Bàng – Trại Chuối – Hồng Bàng – Hải Phòng Mã số thuế : 02009690978				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Số 40				
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	3.073.682.710
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	140.805
	Cộng			3.073.823.515
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Người lập biểu			Kế toán trưởng	
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)	

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 41

Công ty TNHH Việt Huy
Số 10 – Hồng Bàng – Trại Chuối – Hồng Bàng – Hải Phòng
Mã số thuế : 02009690978

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 41:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	2.413.560.929
2	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	369.000.068
3	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	215.236.168
	Cộng			2.997.797.183

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 42

Công ty TNHH Việt Huy
Số 10 – Hồng Bàng – Trại Chuối – Hồng Bàng – Hải Phòng
Mã số thuế : 02009690978

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 42:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN	821	3334	15.205.270
	Cộng			15.205.270

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Biểu số 2.28: Trích trang Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Việt Huy
số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối,
quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a- DNN
Ban hành theo TT 200/2014 – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÍ CHUNG**Năm 2017**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
31/12	PKT42	31/12	Xác định thuế TNDN	821	15.205.270	
				3334		15.205.270
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	15.205.270	
				821		15.205.270
31/12	PKT44	31/12	Kết chuyển kết quả kinh doanh	911	60.821.080	
				421		60.821.080
			Tổng cộng		16.239.263.823	16.239.263.823

Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)*

Biểu số 2.29: Sổ cái TK 911

Công ty TNHH Việt Huy

Mẫu số S03b – DNN

Số 10, Đ. Hồng Bàng, P. Trại Chuối, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

(Ban hành theo TT200/2014 - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

911 - Xác định kết quả kinh doanh**Năm 2017****Đơn vị tính: VND**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT40	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		3.073.682.710
31/12	PKT40	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		140.805
31/12	PKT41	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	2.413.560.929	
31/12	PKT41	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	215.236.168	
31/12	PKT41	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	642	369.000.068	
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	15.205.270	
31/12	PKT44	31/12	Kết chuyển kết quả kinh doanh	421	60.821.080	
			Cộng số phát sinh		3.073.823.515	3.073.823.515
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Biểu số 2.30: Sổ cái TK 821

Công ty TNHH Việt Huy

Mẫu số S03b – DNN

Số 10, Đ. Hồng Bàng, P. Trại Chuối, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

(Ban hành theo TT200/2014 - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

821 – Chi phí thuế TNDN**Năm 2017****Đơn vị tính: VND**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT42	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	15.205.270	
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911		15.205.270
			Cộng số phát sinh		15.205.270	15.205.270
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

Biểu số 2.31: Sổ cái TK 421

Công ty TNHH Việt Huy

Mẫu số S03b – DNN

Số 10, Đ. Hồng Bàng, P. Trại Chuối, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

(Ban hành theo TT200/2014 - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

421 – Lợi nhuận chưa phân phối**Năm 2017****Đơn vị tính: VND**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			186.234.554
...
31/12	PKT44	31/12	Kết chuyển lãi	911		60.821.080
			Cộng số phát sinh		140.000.000	60.821.080
			Số dư cuối kỳ			107.055.634

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)*(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)*

Biểu số 2.32: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017

Công ty TNHH Việt Huy
Số 10, Đ. Hồng Bàng, P. Trại Chuối,
Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Mẫu số B02 –DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Năm 2017

STT	Chỉ tiêu	Mã	Mã thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.073.682.710	2.074.121.093
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		3.073.682.710	2.074.121.093
4	Giá vốn hàng bán	11		2.413.560.929	1.523.922.371
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20		660.121.781	550.198.722
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		140.805	281.610
7	Chi phí tài chính	22		0	0
	- Chi phí lãi vay	23		0	0
8	Chi phí bán hàng	25		215.236.168	197.744.079
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		369.000.068	300.000.000
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26)	30		76.026.332	52.736.253
11	Thu nhập khác	31		0	0
12	Chi phí khác	32		0	0
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		76.026.332	52.736.253
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		15.205.270	11.601.975
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		60.821.080	41.125.278
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2018

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Việt Huy)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT HUY

3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH Việt Huy

3.1.1 Ưu điểm

Công ty TNHH Việt Huy được thành lập 12 năm, ngay từ ngày thành lập công ty đã từng bước phát triển mạnh mẽ về mọi mặt. Trong lịch sử phát triển của mình, Công ty đã đạt được những thành công to lớn, song cũng gặp không ít những khó khăn, nhất là nền kinh tế đang chuyển sang cơ chế thị trường. Trong quá trình ấy, Công ty đã chủ động đề ra những giải pháp về mặt kinh tế, kỹ thuật có hiệu quả nhằm khắc phục những khó khăn, hoà nhập vào nền kinh tế của thị trường. Nhờ vậy những năm trở lại đây, Công ty đã đạt được nhiều thành công trong hoạt động kinh doanh.

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

+ Bộ máy kế toán của công ty TNHH Việt Huy được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung, hình thức gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách thống nhất, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát của Ban Giám đốc công ty. Việc tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng được thực hiện một cách trình tự có tính thống nhất cao, việc tập hợp số liệu một cách chính xác. Từ đó, Ban Giám đốc có thể nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh của công ty để đưa ra các quyết định, chiến lược kinh doanh phù hợp đúng đắn trong kỳ kinh doanh tiếp theo.

+ Toàn bộ công việc ghi sổ, lập báo cáo đều được thực hiện ở phòng kế toán. Nhờ đó, kế toán trưởng sẽ dễ dàng hơn trong việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các nhân viên kế toán, kịp thời sửa chữa những thiếu sót trong việc hạch toán và ghi sổ kế toán.

+ Nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động cuối cùng. Từ đó, Ban Giám đốc cũng như các đối tượng có liên quan như ngân hàng, cơ quan thuế, đối tác kinh doanh, nhà cung cấp... sẽ có được thông tin mang tính xác thực cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Về sổ sách kế toán: Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng sạch sẽ và được lưu trữ theo các quy định chung của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ đơn giản, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra.

- Về hệ thống chứng từ của công ty: Chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình hạch toán chứng từ khá nhanh chóng và kịp thời.

- Về công tác kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

- Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề luôn được nhà quản lý quan tâm, cân nhắc và muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh: Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác.

- Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ Báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo thông tư 200/2014 – BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung là hoàn toàn phù hợp với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ.

3.1.2 Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty còn tồn tại một số hạn chế như sau:

- Về chính sách áp dụng trong bán hàng:

Công ty không áp dụng chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) trong bán hàng phần nào sẽ làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, từ đó làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Về hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh:

Công ty chưa tiến hành lập Sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng. Làm cho công ty không theo dõi được cụ thể chi tiết doanh thu của từng mặt hàng. Do đó, không xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Vì vậy không có cơ sở để lựa chọn cơ cấu mặt hàng tối ưu.

- Về công tác ghi chép sổ sách kế toán:

Hiện tại công tác kế toán tại đơn vị được thực hiện một cách thủ công, tiến hành làm việc trên Excel nên việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ vẫn còn chậm, dễ nhầm lẫn và thiếu sót.

3.2 Tính cấp thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Huy chưa thực sự hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không phát huy hiệu quả.

3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Huy

Mục đích của các doanh nghiệp là kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao nên việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng là một trong những nội dung cần làm để đạt được mục tiêu này của doanh nghiệp nói chung và công ty nói riêng.

Cơ sở để hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như:

- + Đảm bảo tuân thủ thống nhất chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành
- + Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn.

+ Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán nói chung.

3.4 Nội dung giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Huy

3.4.1 Kiến nghị 1: Về hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh

- **Lý do kiến nghị:** Kế toán tại công ty TNHH Việt Huy chưa mở sổ chi tiết bán hàng và chi tiết chi phí cho từng mặt hàng

- **Mục tiêu của giải pháp:** Quản lý được chi tiết, cụ thể doanh thu, từng mặt hàng cũng như chi phí sản xuất kinh doanh, từ đó có thể xác định được lợi nhuận gộp của từng mặt hàng

- Cách thức tiến hành

Công ty tiến hành mở sổ chi tiết bán hàng (**biểu 3.1**) và sổ chi phí sản xuất kinh doanh (**biểu số 3.2**)

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty TNHH Việt Huy Số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng Thành phố Hải Phòng					Mẫu số: S35 - DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)					
SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản):..... Tháng..... Năm.....										
NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ		
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	
			Cộng số phát sinh							
			- Doanh thu thuần							
			- Giá vốn hàng bán							
			- Lãi gộp							
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)					Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)			Ngày... tháng... năm... Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

Mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 632 (**Biểu 3.2**) tạo điều kiện cho việc theo dõi giá vốn tương ứng của từng mặt hàng đã được mở sổ chi tiết bán hàng.

Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH Việt Huy Số 10, đường Hồng Bàng, phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng				Mẫu số: S36 - DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH							
Tài khoản:..... Tên sản phẩm, dịch vụ:.....							
NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ tài khoản		
	SH	NT			Tổng tiền	Chia ra	
					
A	B	C	D	E			
			- Số dư đầu kỳ				
			- Số phát sinh trong kỳ				
			- Cộng số phát sinh trong kỳ				
			- Ghi Có TK...				
			Số dư cuối kỳ				
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Ngày... tháng... năm... Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

3.4.2 Kiến nghị 2: Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán

- **Lý do kiến nghị:** Hiện nay Công ty TNHH Việt Huy đang thực hiện kế toán thủ công trên máy tính với excel. Việc này khá vất vả và tốn nhiều thời gian công sức của kế toán.

- **Mục tiêu giải pháp:** Áp dụng phần mềm kế toán để tăng hiệu quả công việc, tránh nhầm lẫn, giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán.

- **Cách thức tiến hành giải pháp:** Công ty áp dụng phần mềm kế toán phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp như MISA, FAST... Với hình thức nhật kí chung công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA.

Phần mềm kế toán MISA.NET 2017



Hình 3.1 Giao diện hoạt động phần mềm kế toán MISA

Theo như hiện nay thì mỗi kế toán đã được trang bị một máy tính riêng việc đưa phần mềm kế toán và ứng dụng là hợp lí và thuận lợi, trình độ của kế toán trong ứng dụng tin học cao ít gặp trở ngại khi sử dụng phần mềm. Từ đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán trong công việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ, giúp kế toán tính toán, tổng hợp số liệu, lập báo cáo nhanh chóng và có độ chính xác cao, giảm thiểu việc ghi chép thủ công và giúp lưu trữ, bảo quản dữ liệu, thông tin kế toán bảo mật và an toàn. Phần mềm kế toán được ứng dụng

đảm bảo cho công tác hạch toán của Công ty sẽ mang lại hiệu quả cao và thiết thực đối với công ty.

3.4.3 Kiến nghị 3: Phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Lý do kiến nghị: Công ty TNHH Việt Huy chưa phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho mặt hàng.

- Cách thức tiến hành: CPBH và CPQLDN phân bổ cho từng mặt hàng theo tiêu thức doanh thu thuần.

- Công thức:

$$\text{Chi phí bán hàng (chi phí quản lý doanh nghiệp) phân bổ cho mặt hàng } i = \frac{\text{Tổng chi phí bán hàng (Chi phí quản lý doanh nghiệp)}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các mặt hàng}} \times \text{Doanh thu thuần của mặt hàng } i$$

- Hiệu quả giải pháp: Xác định kết quả kinh doanh của từng mặt hàng đã được theo dõi chi tiết doanh thu và giá vốn.

3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp

3.5.1 Về phía nhà nước

- Tạo điều kiện cho tổ chức cá nhân kinh doanh một cách hợp pháp và thuận lợi thông qua việc hạn chế các thủ tục hành chính phức tạp không cần thiết

- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, mang tính bắt buộc cao, tính pháp lý chặt chẽ, có chính sách khen thưởng đối với doanh nghiệp làm tốt và có biện pháp xử lý đối với doanh nghiệp vi phạm

- Luôn luôn khuyến khích các doanh nghiệp không ngừng cải cách đổi mới và phát triển toàn diện hơn.

3.5.2 Về phía doanh nghiệp

- Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

- Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm và có đạo đức nghề nghiệp

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính

- Chế độ kế toán hiện hành, thường xuyên cập nhật áp dụng chính sách thông tư mới do Bộ tài chính bổ sung và hoàn thiện

- Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phần hành và giữa các phần hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra.

KẾT LUẬN

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là bộ phận quan trọng khi tiến hành hạch toán kế toán. Số liệu chính xác và trung thực từ việc xác định kết quả kinh doanh sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn, mở rộng sản xuất, tăng thu nhập.

Đề tài khóa luận: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Huy đã nêu được các vấn đề cơ bản sau:

Về mặt lý luận: Khóa luận trình bày những lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Về mặt thực tế: Khóa luận đã phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Huy

Về mặt giải pháp: Khóa luận đã đưa ra một số giải pháp để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Huy

- Hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán
- Phân bổ chi phí bán hàng và phi phí quản lý doanh nghiệp

Do thời gian thực tập có hạn, kiến thức của bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo.

Cuối cùng, em xin chân thành gửi lời cảm ơn đến Ban giám đốc, các anh chị trong Phòng kế toán đã tận tình giúp đỡ, cung cấp số liệu cho bài biết này. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến thầy giáo hướng dẫn ThS. Nguyễn Đức Kiên – người đã trực tiếp chỉ bảo, hướng dẫn em trong suốt quá trình viết bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2018

Sinh viên

Đỗ Thị Phương Thảo